

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2013/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị Quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 8 về quy định khung giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-STNMT ngày 05/11/2013 về việc đề nghị phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014; văn bản số 2473/STC-QLG ngày 29/10/2013 của Sở Tài chính Thái Nguyên về việc thẩm định Bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014, với nội dung cụ thể như sau:

(Quy định giá các loại đất và các phụ lục chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giá các loại đất được quy định sử dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại điều 34 và 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức cá nhân trong các trường hợp quy định tại điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế theo quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện,

thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

QUY ĐỊNH GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. Bảng giá đất trồng lúa nước:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	60	57	54	55	52	49						
2	Thị xã Sông Công	57	54	51				50	47	44			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	56	53	50	51	48	45	50	47	44	49	46	43
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				47	44	41	43	40	37	36	33	30
5	Huyện Võ Nhai							38	35	32	34	31	28
6	Huyện Định Hoá				42	39	36	40	37	34	38	35	32

2. Bảng giá đất trồng cây hàng năm còn lại:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	53	50	47	49	46	43						
2	Thị xã Sông Công	51	48	45				45	42	39			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	51	48	45	46	43	40	44	41	38	42	39	36
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				43	40	37	39	36	33	35	32	29
5	Huyện Võ Nhai							37	34	31	33	30	27
6	Huyện Định Hoá				41	38	35	39	36	33	37	34	31

3. Bảng giá đất trồng cây lâu năm:*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²*

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	49	46	43	45	42	39						
2	Thị xã Sông Công	48	45	42				42	39	36			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	48	45	42	44	41	38	42	39	36	40	37	34
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				40	37	34	36	33	30	33	30	27
5	Huyện Võ Nhai							34	31	28	31	28	25
6	Huyện Định Hoá				38	35	32	36	33	30	34	31	28

4. Bảng giá đất rừng sản xuất:*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²*

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	22	19	16	18	15	12						
2	Thị xã Sông Công	22	19	16				16	13	10			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	22	19	16	18	15	12	16	13	10	15	12	9
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				16	13	10	13	11	9	11	9	8
5	Huyện Võ Nhai							12	10	8	10	8	7
6	Huyện Định Hoá				15	12	10	13	11	9	12	10	8

5. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	43	40	37	40	37	34						
2	Thị xã Sông Công	41	38	35				36	33	30			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	41	38	35	38	35	32	36	33	30	35	32	29
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				31	28	25	28	25	22	25	23	21
5	Huyện Võ Nhai							27	24	22	24	22	20
6	Huyện Định Hoá				30	27	24	28	25	23	27	24	22

6. Bảng giá đất nông nghiệp khác (Bao gồm đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp):

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	53	50	47	49	46	43						
2	Thị xã Sông Công	51	48	45				45	42	39			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	51	48	45	46	43	40	44	41	38	42	39	36
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				43	40	37	39	36	33	35	32	29
5	Huyện Võ Nhai							37	34	31	33	30	27
6	Huyện Định Hoá				41	38	35	39	36	33	37	34	31

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**1. Khung giá đất ở****a) Khung giá đất ở tại nông thôn:***Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²*

TT	VÙNG	KHUNG GIÁ	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Trung du	250	6.000
2	Miền núi	70	4.500

Bảng giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông: quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, các đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công (Như phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

b) Khung giá đất ở tại đô thị:*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²*

Số TT	LOẠI ĐÔ THỊ	KHUNG GIÁ	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Thành phố Thái Nguyên	400	30.000
2	Thị xã Sông Công	400	12.000
3	Thị trấn trung tâm các huyện	200	8.040
4	Các thị trấn khác ngoài thị trấn trung tâm huyện	150	4.500

(Ghi chú: Các thị trấn không thuộc trung tâm huyện, bao gồm: thị trấn Quân Chu, thị trấn Bắc Sơn, thị trấn Bãi Bông, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau, thị trấn Giang Tiên)

Bảng giá đất ở tại các đô thị, bám đường phố, trục giao thông chính trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công (Như phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

2. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng (không bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật):

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

3. Đất trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất có các công trình tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo; đất trụ sở của tổ chức tôn giáo và các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động; đất có các công trình tín ngưỡng dân gian gồm đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ):

Giá đất được tính bằng mức giá đất ở tại vị trí đó.

4. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

5. Đất phi nông nghiệp khác (bao gồm: đất làm nhà nghỉ, lán trại, nhà tạm (không phải là nhà ở) để người lao động sử dụng tại các trang trại ở nông thôn; đất để xây dựng cơ sở sản xuất dịch vụ nông, lâm, ngư nghiệp tại đô thị như xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt (kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất), xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ương tạo cây giống, con giống, xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp):

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây), khi được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để định giá đất cụ thể.

B. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

I. NGUYÊN TẮC PHÂN VÙNG ĐẤT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ĐẤT

1. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

1.1. Phân vùng đất:

- Vùng trung du: Bao gồm các xã, phường của thành phố Thái Nguyên; các xã, phường thuộc thị xã Sông Công; các xã, thị trấn thuộc huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình (trừ các xã là miền núi theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc).

- Vùng miền núi: Bao gồm các xã, thị trấn miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc.

1.2. Xác định vị trí đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1: Là đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, có chất đất tốt nhất, có điều kiện tưới tiêu thuận tiện, thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới hành chính phường, trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

- Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được duyệt, thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư tập trung.

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông là quốc lộ, tỉnh lộ, đường nối với quốc lộ, tỉnh lộ (đường nối cùng cấp đường tỉnh lộ), có chiều sâu vào ≤ 500 m; hoặc đất nông nghiệp cách ranh giới ngoài cùng của chợ nông thôn, khu dân cư tập trung ≤ 500 m.

b) Vị trí 2: Là đất nông nghiệp thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất nông nghiệp tiếp theo vị trí 1 nói trên + 500 m

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông liên huyện, liên xã (không phải là tỉnh lộ, quốc lộ) có chiều sâu vào ≤ 500 m, đường rộng $\geq 2,5$ m

c) Vị trí 3: Là vị trí đất nông nghiệp không đủ các điều kiện là vị trí 2.

2. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

2.1. Đất ở tại nông thôn: Là đất ở tại các xã trên địa bàn tỉnh.

2.1.1. Phân vùng đất ở tại nông thôn: được phân theo địa giới hành chính cấp xã của vùng Trung du, miền núi như quy định tại tiết 1.1 điểm 1 mục I phần B.

2.1.2. Phân loại đất ở nông thôn áp dụng đối với thị xã Sông Công và các huyện (*Riêng phân loại đất ở nông thôn tại thành phố Thái Nguyên áp dụng theo mục III của Phụ lục số 1 kèm theo*).

Việc phân loại đất căn cứ vào các yếu tố: Khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m.

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có mặt đường rộng lớn hơn hoặc bằng 2,5 m.

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 3,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5 m.

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng nhỏ hơn 2,5 m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0 m.

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200 m, có đường vào nhỏ hơn 2 m.

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200 m đến 500 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 500 m đến 1.000 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200 m đến 500 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

2.2. Đất ở tại đô thị: Là đất ở tại các phường thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn thuộc các huyện.

II. ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Giá đất nông nghiệp

1.1. Giá đất quy định trong bảng giá được áp dụng theo đơn vị hành chính cấp huyện.

1.2. Trường hợp đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản) có một hoặc các điều kiện sau:

- Có địa hình không phẳng, độ dốc lớn hơn hoặc bằng 5%;
- Có sỏi, đá trên bề mặt, ruộng sâu trũng, không thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Mức giá đất được xác định bằng 95% giá đất nông nghiệp tại vị trí đó.

2. Giá đất ở:

2.1. Giá đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, được thể hiện trong các phụ lục số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 áp dụng cho các khu dân cư hiện có. Mức giá đất quy định tại các phụ lục được áp dụng đối với đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, tính từ mép lộ giới giao thông hiện tại (Quốc lộ, tỉnh lộ, đường phố trong đô thị) vào không quá 30 m, có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại nhỏ hơn 1,5 m {mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00)}

- Đối với đất ở tại nông thôn ngoài các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp chưa được quy định chi tiết, thì áp dụng theo bảng giá đất ở tại nông thôn. Giá đất trong trường hợp này được xác định theo loại đất ở nông thôn, không phân vị trí trong cùng thửa đất.

2.2. Trường hợp đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào lớn hơn 30 m, thì giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào 30 m, giá đất xác định bằng giá đất ở bám các đường phố, trục giao thông theo quy định tại vị trí đó;

- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 75 m, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 1;
- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 + 300 m, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 2;
- Vị trí 4: Tiếp theo vị trí 3 đến hết đất, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 3.

Mức giá đất từ vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 xác định như trên nhưng không được thấp hơn mức giá tối thiểu của đất ở quy định trong vùng.

2.3. Giá đất ở quy định tại các trục phụ trong bảng giá:

- Giá đất ở tại trục phụ được xác định tính từ sau vị trí 1 của đường chính.
- Giá đất ở thuộc đường nhánh của trục phụ được xác định từ sau vị trí 1 của trục phụ.
- Giá đất ở thuộc ngách của đường nhánh, được xác định từ sau vị trí 1 của đường nhánh.

2.4. Trường hợp các ô thửa đất ở bám các trục giao thông đã có trong bảng giá, nhưng mức giá đất ở chưa thể hiện hết toàn tuyến, thì những đoạn còn lại cứ 250 m tiếp theo được xác định như sau:

- Trường hợp đoạn đường có cơ sở hạ tầng tương đương với đoạn đã có giá quy định, thì mức giá được xác định bằng 95% mức giá của đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu đã quy định trong vùng.
- Trường hợp đoạn đường còn lại trên tuyến, có cơ sở hạ tầng và đường nhỏ hơn không quá 20% đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, thì mức giá xác định bằng 80% mức giá đoạn đường tiếp giáp, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.5. Trường hợp các ô đất, thửa đất ở bám các trục phụ chưa được nêu ở bảng giá thì giá đất ở được xác định giá như sau:

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi tương đương với trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, thì giá đất được xác định bằng giá đất đã quy định tại trục phụ tương đương gần nhất đó.
- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn không quá 20% trục

phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 80% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 70% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 50% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.6. Các trường hợp ô đất, thửa đất ở bám các đường nhánh của trục phụ, vào không quá 100 m, giá đất được xác định như sau:

- Đường có cơ sở hạ tầng tương đương trục phụ thì giá đất được tính bằng 95% giá đất trục phụ.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 80% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 70% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 50% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.7. Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường ngách của các nhánh trục phụ, vào không quá 100 m, giá đất được xác định như cách xác định giá đất tại tiết 2.6 điểm 2 mục II phần B này.

Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng

2.8. Một số trường hợp cụ thể khác

a) Các ô đất, thửa đất liền kề vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông đã quy định trong bảng giá:

- Trường hợp đường vào là ngõ chưa kể tên, vào không quá 100 m, mức giá được xác định như sau:

+ Đường vào từ 2 m đến nhỏ hơn 3,5 m: Giá đất xác định bằng 25% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

+ Đường vào nhỏ hơn 2 m: Giá đất được xác định bằng 22% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

- Trường hợp vào vượt quá 100 m, giá đất được xác định như cách xác định tại tiết 2.4, điểm 2.

b) Trường hợp thửa đất liền kề với vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông đã quy định trong bảng giá, nhưng không có đường vào, mức giá đất tính bằng 20% giá đất tại vị trí của thửa đất mặt đường liền kề.

Mức giá xác định tại tiết 2.8 này không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.9. Đối với các thửa đất ở nằm bên kia đường sắt (bám theo đường sắt), đường sắt song song giáp với đường bộ, thì giá đất xác định như sau:

- Trường hợp vị trí đất ở giáp với lộ giới đường sắt, từ đường bộ vượt qua đường sắt vào thẳng đất ở, giá đất được xác định bằng 70% giá đất ở bám trục đường bộ theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp từ đường bộ vào đất ở phải đi theo đường gom, thì giá đất được xác định theo từng vị trí cụ thể.

2.10. Đối với các thửa đất ở phía sau đất nông nghiệp, tính từ mép đường giao thông hiện tại đến đất ở có chiều sâu vào không quá 30 m, giá đất ở được xác định như sau:

- Trường hợp có đường vào lớn hơn (hoặc) bằng 6 m thì phần đất ở từ giáp đất nông nghiệp vào không quá 30 m được tính bằng 70% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m, mức giá tính bằng 60% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Nếu có đường vào nhỏ hơn 3,5 m, mức giá tính bằng 50% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

Chiều sâu đất ở quy định tại điểm này, tính từ đất nông nghiệp vào không quá 30 m thì xác định như trên. Nếu chiều sâu đất ở tính từ đất nông nghiệp vào lớn hơn 30 m thì giá đất được xác định như quy định tiết 2.2 điểm 2 mục II phần B này.

2.11. Trường hợp đất nông nghiệp giáp lộ giới giao thông quy hoạch, khi được phép chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở mà có phần diện tích đất nông nghiệp bám trục giao thông nằm trong lộ giới hành lang an toàn giao thông chưa được thu hồi và không được chuyển mục đích sử dụng, thì giá đất ở để tính thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp phía sau hành lang an toàn giao thông là giá đất ở tại vị trí 1, bám trục giao thông đã quy định tại vị trí đó.

2.12. Giá đất quy định trên các đường phố, trục giao thông được xác định theo mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00) làm chuẩn. Các vị trí đất có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường nhỏ hơn 1,5 m, giá đất xác định bằng 100% mức giá đất đã được quy định tại vị trí đó. Trường hợp thửa đất có vị trí chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại từ 1,5 m trở lên, mức giá được xác định như sau:

a) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch cao hơn mặt đường hiện tại:

- Cao hơn từ 1,5 m đến nhỏ hơn 3m, giảm giá 5% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 75.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 3 m đến nhỏ hơn 4,5 m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 4,5 m trở lên, giảm giá 13% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 150.000 đồng/m².

b) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch thấp hơn mặt đường:

- Thấp hơn từ 1,5 m đến nhỏ hơn 3 m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 3 m đến nhỏ hơn 5,5 m, giảm giá 15% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 180.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 5,5 m trở lên, giảm giá 20% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 250.000 đồng/m².

2.13. Trường hợp đất ở có vị trí bóm 2 mặt đường:

- Trường hợp đường phố, trục giao thông lớn hơn hoặc bằng 3,5 m được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại vị trí đường phố có mức giá cao hơn.

- Trường hợp có đường phố, trục giao thông chính và 1 đường phụ lớn hơn 2 m nhưng nhỏ hơn 3,5 m, được tính hệ số đa là 1,05 lần so với giá đất tại vị trí đường phố, trục giao thông chính có mức giá cao hơn.

- Trường hợp ô, thửa đất ở bóm đường phố, trục giao thông và giáp một bên là đất công cộng có không gian thoáng dăng, được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá đất tại vị trí của đường phố, trục giao thông đó.

2.14. Trường hợp các ô đất (thửa đất) ở vị trí có trùng 2 mức giá trở lên, thì xác định giá theo mức giá cao nhất.

3. Đối với đất chuyên dùng:

Trường hợp đất sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi bảo vệ hành lang an toàn lưới điện Quốc gia (*Trừ trường hợp đất sản xuất kinh doanh mua bán, truyền tải điện*): giá đất để xác định đơn giá thuê đất được giảm trừ 20% so với giá đất cùng mục đích sử dụng tại vị trí.

III. XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ:

1. Trường hợp đất ở tại các khu mới thực hiện quy hoạch để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất; Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị chưa quy định chi tiết trong bảng giá khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc chuyển mục đích sử dụng đất thì UBND các huyện, thành phố, thị xã lập phương án giá đất gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời điểm.

2. Trường hợp khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, cho thuê đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất, mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này áp dụng tại thời điểm giao đất, cho thuê đất, thời điểm quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển

nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường lập phương án giá đất gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các cơ quan có liên quan xác định lại giá đất cụ thể trình UBND tỉnh quyết định cho phù hợp, không bị giới hạn bởi khung giá đất quy định trên.

PHỤ LỤC SỐ 01
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	ĐƯỜNG ĐỘI CÁN (Từ đảo tròn trung tâm qua Quảng trường 20/8 đến đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	30.000
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào 100 m	7.000
II	ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ (Từ Đảo tròn trung tâm đến đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã tư đường Nguyễn Huệ và đường Chu Văn An	30.000
2	Từ ngã tư rẽ đường Nguyễn Huệ và đường Chu Văn An đến đảo tròn Đồng Quang	27.000
3	Từ đảo tròn Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái	17.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo Khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Sở Công nghiệp cũ)	9.000
2	Ngõ số 60: Rẽ cạnh Nhà trẻ 19/5 đi gặp ngõ số 2 cạnh Sở Công nghiệp cũ	8.500
3	Ngõ số 62: Rẽ cạnh UBND phường Hoàng Văn Thụ (cũ) gặp đường Phủ Liễn	9.000
4	Ngõ số 13: Rẽ theo hàng rào cạnh Điện lực Thái Nguyên	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ vào 100 m	7.500
4.2	Qua 100 m đến 200 m	5.500
5	Các đường trong KDC Phủ Liễn II thuộc tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	7.500
6	Ngõ rẽ vào đến trạm T12 (cạnh đường sắt Hà Thái)	3.500
7	Ngõ rẽ vào cạnh Sở Giao thông Vận tải gặp đường Ga Thái Nguyên	5.500
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (Từ đảo tròn Trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)	
1	Từ Đảo tròn Trung tâm đến Chi nhánh thành phố - Công ty Điện lực Thái Nguyên	20.000
2	Từ Chi nhánh thành phố - Công ty Điện lực Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	18.000
3	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố (gặp ngõ số 226)	15.000
4	Từ hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố đến ngã 4 rẽ phố Xương Rồng	12.000
5	Từ ngã 4 rẽ phố Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng (gặp đường Bắc Nam)	10.000
6	Từ ngã ba Gia Sàng (Gặp đường Bắc Nam) đến ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu	9.000
7	Từ Ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A	7.000
8	Từ ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A đến cầu Loàng	6.000
9	Từ Cầu Loàng đến đường sắt vào kho 3 mái Gang thép	5.500
10	Từ đường sắt vào kho 3 mái Gang thép đến đường sắt đi Kép	5.000
11	Từ đường sắt đi Kép đến đảo tròn Gang Thép	10.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo hàng rào Sở Công Thương đến chân đồi Kô Kê	
1.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến 100 m	5.000
1.2	Qua 100 m đến 200 m về 2 phía	4.500
1.3	Qua 200 m đến 400 m (có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5$ m)	3.000
2	Rẽ phố Đầm Xanh: Theo hàng rào Bưu điện tỉnh Thái Nguyên đến gặp đường Minh Cầu	
2.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150 m	4.000
2.2	Qua 150 m đến gặp đường Minh Cầu	3.000
2.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5$ m, vào 150 m	2.500
3	Ngõ số 38: Rẽ đối diện Công an tỉnh Thái Nguyên	
3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100 m	3.500
3.2	Qua 100 m đến 250 m	3.000
4	Ngõ số 70: Vào 150 m	3.000
5	Ngõ số 90: Đối diện đường Nguyễn Du, vào 150 m	3.500
6	Ngõ số 132: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 2 phía 100m	3.000
7	Ngõ số 136: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100 m	3.000
8	Rẽ cạnh số nhà 109 vào 100 m (tổ 21, phường Trưng Vương)	3.000
9	Ngõ số 226: Rẽ cạnh Thành đội vào hết đất Trung tâm Văn hoá thành phố	3.500
10	Ngõ số 277: Rẽ Trung tâm Y tế thành phố, vào đến ngã ba thứ nhất	4.000
11	Ngõ số 197: Rẽ đến cổng Trường tiểu học Nha Trang	3.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
12	Ngõ số 242: Rẽ KDC Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũ, vào 100 m	3.500
13	Ngõ số 248: Rẽ Ban kiến thiết Sở Thương mại cũ, vào 100 m	3.500
14	Ngõ số 235: Rẽ theo hàng rào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thành phố Thái Nguyên vào 100 m	3.500
15	Ngõ số 300: (Rẽ KDC Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị) vào 150 m	3.500
16	Ngõ số 309: Rẽ từ Trạm xăng dầu số 10 vào 100m	3.500
17	Rẽ vào Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên (Đường phố Xương Rồng kéo dài)	
17.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	6.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.1) có mặt đường bê tông rộng \geq 3,5 m, vào 150m	3.000
17.2	Từ ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến cổng Công ty Xây dựng số 2	5.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.2) có mặt đường bê tông rộng \geq 3,5 m, vào 150m	2.500
17.3	Từ cổng Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên	4.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.3) có mặt đường bê tông rộng \geq 3,5 m, vào 150m	2.500
18	Ngõ số 428: Rẽ vào Đền Xương Rồng	
18.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3 rẽ cổng đền Xương Rồng	3.500
18.2	Từ ngã 3 rẽ cổng đền Xương Rồng đi KDC, vào 100m	3.000
19	Ngõ số 451 và ngõ rẽ cạnh số nhà 429	
19.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
19.2	Qua 100 đến 250m	2.500
20	Ngõ số 479: Rẽ vào xóm Xưởng đậu cũ phường Gia Sàng	
20.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba	3.200
20.2	Từ ngã ba + 200m về 2 phía	2.800
21	Ngõ số 536:	
21.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.200
21.2	Từ qua 100m đến 300m	2.200
22	Ngõ số 728: Rẽ theo hàng rào chợ Gia Sàng	
22.1	Trục chính vào 100m	3.200
22.2	Qua 100m đến 250m	2.200
23	Ngõ số 882: Rẽ KDC số 1 phường Gia Sàng	
23.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.500
23.2	Qua 100m đến hết đất KDC quy hoạch số 1 P.Gia Sàng	3.500
23.3	Các đường nhánh trong KDC số 1 phường Gia Sàng đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
23.3.1	+ Đường rộng $\geq 9m$	2.800
23.3.2	+ Đường rộng $\geq 3,5m$, nhưng $< 9m$	2.200
24	Ngõ số 604: Rẽ vào tổ nhân dân số 16, phường Gia Sàng (Đốc Chọi Trâu)	
24.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.800
24.2	Qua 100m đến ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng	2.000
24.3	Ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng đến gặp đường Thanh niên xung phong, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	1.500
25	Ngõ 673: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 4, phường Gia Sàng	
25.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
25.2	Qua 100m đến 300m	1.600
26	Rẽ KDC số 9 Gia Sàng	
26.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 450m (trục chính)	5.000
26.2	Các đường quy hoạch còn lại đã xong cơ sở hạ tầng	4.000
27	Ngõ số 728: Rẽ vào Trường THCS Gia Sàng	
27.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200
27.2	Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ số 604 (Đốc Chọi trâu)	1.800
28	Ngõ số 756: Rẽ vào khu tập thể cán A	
28.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào vào đến cổng khách sạn Hải Âu	3.000
28.2	Từ cổng Khách sạn Hải Âu vào 100m tiếp theo	2.200
28.3	Các trục ngang trong khu tập thể cán A có mặt đường rộng \geq 5m	1.800
29	Ngõ đi Trại Bàu (đối diện ngõ số 756):	
29.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200
29.2	Qua 100m đến 300m	1.800
30	Ngõ số 800: Vào 100m, có mặt đường bê tông \geq 2,5m	2.000
31	Ngõ số 837: Rẽ khu tập thể XN Bê tông cũ	
31.1	Vào 100m	1.800
31.2	Qua 100m đến 250m	1.500
32	Ngõ số 933: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp tư nhân Hoa Thiết (Cam Giá), vào 100m	1.800
33	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ nhân dân số 4, phường Cam Giá, vào 100m	2.200
34	Ngõ số 997: Rẽ đi tổ nhân dân số 1, phường Cam Giá, vào 100m	1.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
35	Ngõ số 71: Rẽ đi tổ nhân dân số 2, phường Cam Giá, vào 100m	1.500
36	Đường đê Cam Giá đi Cầu BADA	
36.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.500
36.2	Qua 100m đến 200m	1.800
36.3	Qua 200m đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng	1.300
37	Ngõ số 950: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1, phường Phú Xá	
37.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
37.2	Qua 100m đến 250m	1.200
38	Đoạn đường Cách mạng tháng Tám cũ (qua dốc nguy hiểm) gặp đường Cách mạng tháng Tám mới	
38.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám mới đến đường sắt vào kho 3 mái cũ	2.500
38.2	Từ đường sắt vào kho 3 mái cũ qua dốc nguy hiểm đến gặp đường Cách mạng tháng Tám (mới)	2.000
38.3	Ngõ rẽ vào Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	
38.3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám (cũ) đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	1.500
38.3.2	Từ cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4) đến hết KDC	1.000
39	Ngõ số 88/1: Rẽ khu tập thể đường sắt (phường Phú Xá)	
39.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150m	1.200
39.2	Qua 150m đến hết khu tập thể đường sắt	1.000
40	Ngõ số 236/1: Đối diện trạm cân Công ty gang thép (phường Phú Xá)	
40.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
40.2	Qua 100m đến gặp đường sắt đi Kép	1.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
41	Ngõ rẽ cạnh Công ty Thái Hà vào tổ dân phố số 4, phường Cam Giá vào 150m	2.000
43	Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty cổ phần Gang thép	4.000
44	Ngõ số 266/1: Rẽ từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt đi Kép	1.500
45	Ngõ số 209/1: Rẽ vào đôi bia (cũ)	
45.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba thứ 2	2.000
45.2	Từ ngã ba thứ 2 đi 2 hướng + 200m	1.200
46	Ngõ số 113: Rẽ theo đường sắt sang chợ khu Nam	
46.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường rẽ Công ty cổ phần Vận tải Gang thép	2.500
46.2	Từ đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang thép đến gặp đường Lưu Nhân Chú	1.500
46.2.1	Ngách rẽ vào Văn phòng Công ty cổ phần vận tải Gang thép	1.500
46.2.2	Đường liên thôn, liên xóm tổ 26 và 27, phường Cam Giá (các nhánh rẽ từ ngõ số 113 vào 100m), có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
47	Rẽ vào xóm cửa hàng rau cũ (qua đường Phố Hương), từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3	3.000
48	Rẽ sau Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến gặp đường Phố Hương	3.000
49	Ngõ số 474/1: Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng phụ chợ Dốc Hanh	4.000
50	Ngõ số 566/1:	
50.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
50.2	Qua 100m đến gặp đường Phố Hương	3.000
51	Ngõ số 210: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến cổng Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất công nghiệp	3.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
52	Ngõ rẽ từ số nhà 621/1: (phòng khám số 3 cũ)	
52.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
52.2	Qua 100m gặp sân vận động	2.500
53	Ngõ số 628/1: Rẽ cạnh Liên đoàn Địa chất Đông Bắc đến hết đường	3.500
54	Ngõ số 648/1: Rẽ cạnh kiốt xăng số 7 đến sân vận động Gang thép	
54.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
54.2	Qua 100m đến sân vận động Gang thép	2.800
55	Ngõ số 457/1: Rẽ vào KDC Nhà máy Cơ khí (phường Hương Sơn)	
55.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
55.2	Qua 100m đến 200m	2.000
55.3	Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong KDC có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
56	Ngõ số 593/1: Rẽ vào KDC Nhà máy FERRO (phường Hương Sơn)	
56.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
56.2	Qua 100m đến 200m	2.000
56.3	Đoạn còn lại và các nhánh khác trong KDC nhà máy FERRO (phường Hương Sơn) có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
57	Ngõ số 639/1:	
57.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
57.2	Qua 100m đến 200m	2.000
58	Ngõ số 655/1: Rẽ giáp đất Nhà văn hoá Gang thép	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
58.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
58.2	Qua 100m đến 200m	2.000
IV	ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam đường Bắc Nam)	
1	Ngã ba Mỏ Bạch đến ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo	18.000
2	Từ ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo đến giáp đất Bến xe khách Thái Nguyên	15.000
3	Từ đất Bến xe khách Thái Nguyên đến đảo tròn Đồng Quang (gặp đường Hoàng Văn Thụ)	20.000
4	Từ đảo tròn Đồng Quang đến ngõ số 464 rẽ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	20.000
5	Từ ngõ số 464 rẽ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên đến đường Phan Đình Phùng	17.000
6	Từ đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Thống Nhất (ngã 3 Bắc Nam)	14.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 53: Rẽ vào KDC Xây lắp nội thương cũ đến hết đất thư viện Đại học Sư phạm Thái Nguyên	4.000
2	Ngõ số 105: Từ trục chính gặp trục qua cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	7.500
3	Ngõ số 185: Rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.500
4	Ngõ số 231: Qua Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (cũ) gặp đường đi Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.000
5	Trục đường nối 3 ngõ số: 105; 185; 231 qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	6.000
6	Rẽ các ngõ số: 60; 78; 110; 140; 166:	
6.1	Trục chính vào 150m	5.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6.2	Qua 150m đến 250m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$	4.000
7	Ngõ số 92: (Vào KDC quy hoạch phường Quang Trung), vào 100m	4.000
8	Ngõ số 220: Rẽ vào KDC Ngân hàng tỉnh cũ, vào 100m	4.000
9	Ngõ số 297: Rẽ cạnh Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ	3.000
10	Ngõ số 301: Vào 200m	3.500
11	Ngõ số 309: Rẽ qua Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gặp đường Chu Văn An	
11.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	5.000
11.1.1	Nhánh rẽ phải thứ nhất vào 100m	3.000
11.1.2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rẽ phải (nhánh rẽ phải thứ 2) vào 150m	2.500
11.2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rẽ trái đến gặp đường Chu Văn An	3.000
12	Ngõ số 108: Rẽ vào KDC Lâm sản đi gặp ngõ số 274	4.000
13	Ngõ số 274: Rẽ đi gặp ngõ 256 và 108 từ Bến xe khách Thái Nguyên vào Trường Thống Nhất	6.000
14	Ngõ số 357 đến gặp đường Chu Văn An (đối diện Bến xe khách Thái Nguyên)	3.000
15	Ngõ số 256: Rẽ cạnh chợ Đồng Quang và Bến xe khách Thái Nguyên	
15.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào đến hết đất Bến xe	6.000
15.2	Từ giáp đất Bến xe khách qua ngã 3 rẽ đến cổng Trường tiểu học Thống Nhất	4.000
15.3	Từ cổng Trường tiểu học Thống Nhất qua 150m	3.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15.4	Từ ngã 3 rẽ Trường tiểu học Thống Nhất (15.2) rẽ trái đến gặp ngã 3 rẽ KDC số 2, phường Quang Trung	3.000
15.4.1	Các nhánh rẽ thuộc đoạn (15.4) có mặt đường bê tông rộng \geq 2m vào 100m	2.000
16	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đi Trường THPT Lương Ngọc Quyến gặp đường Hoàng Văn Thụ (Cạnh Công an phường Hoàng Văn Thụ)	15.000
17	Ngõ số 310: Rẽ đối diện Công ty cổ phần Dược và Vật tư Y tế, vào 50m	5.000
18	Ngõ số 346 vào 50m	4.000
19	Ngõ số 481: Rẽ theo hàng rào Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên gặp đường Nguyễn Huệ	4.500
20	Ngõ số 464: Rẽ vào Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	
20.1	Từ trục chính đến ngã ba rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang	6.000
20.2	Từ ngã ba rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang đến cổng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	5.000
20.3	Từ ngã 3 rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang đến gặp đường rẽ đi Công ty TNHH Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên	3.500
20.4	Trục ngang nối từ số nhà 11 của ngõ số 464 đến số nhà 26 của ngõ số 488	4.000
20.5	Ngách số 55; 96A vào 100m	3.000
21	Ngõ số 499: Rẽ theo Bệnh viện Đa khoa trung tâm vào đến 80m	5.000
22	Ngõ số 511; 513 vào đến đường quy hoạch KDC số 8 phường Phan Đình Phùng	5.000
22.1	Các đường quy hoạch KDC số 8 phường Phan Đình Phùng đã xong cơ sở hạ tầng	
22.1.1	- Đường quy hoạch \geq 9m	5.000
22.1.2	- Đường quy hoạch $<$ 9m	4.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
23	Ngõ số 488 rẽ đến cổng Trường tiểu học Đồng Quang	5.000
24	Ngõ số 556 vào 50m	3.500
25	Ngõ số 566: Rẽ vào Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	
25.1	Từ trục chính đến hết đất Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	5.000
25.2	Từ giáp đất Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão đến 100 m tiếp theo	4.500
25.3	Đường ngang nối từ ngõ số 566 với ngõ số 596 (nối từ số nhà 6 ngõ 566 đến số nhà 18 ngõ 596)	3.500
26	Ngõ số 596:	
26.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào 200m	5.000
26.2	Các đường trong KDC số 1 phường Đồng Quang	5.000
27	Ngõ số 603: Đi gặp đường Nguyễn Huệ	
27.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 đầu tiên	4.000
27.2	Từ ngã 3 đầu tiên đến gặp đường Nguyễn Huệ	3.500
28	Ngõ số 627 vào 100m (nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên)	3.500
29	Từ đường Lương Ngọc Quyến (Rẽ cạnh Chi Cục bảo vệ thực vật) đến cổng Nhà nghỉ Hải Yến.	2.800
30	Ngõ số 723: Rẽ cạnh Hạt kiểm lâm thành phố vào 150m	3.500
31	Ngõ số 735: Rẽ vào 50m	3.500
V	ĐƯỜNG BÊN TƯỢNG (Từ đê Sông Cầu qua cổng Cục Thuế cũ gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đê sông Cầu đến giáp đất Chợ Thái	10.000
2	Từ đất Chợ Thái đến gặp đường Phùng Chí Kiên	15.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Từ đường Phùng Chí Kiên đến ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng	13.000
4	Từ ngã 6 đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	11.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp (cũ)	
1.1	Từ đường Bến Tượng vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m	3.500
2	Ngõ số 01: Rẽ vào KDC tập thể Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp cũ	4.000
3	Ngõ số 19: Vào 100m về 2 phía (giáp Chợ Thái)	5.000
4	Ngõ số 2 rẽ phía sau nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào hết đất KDC tổ 23	4.000
5	Ngõ số 29: Vào KDC Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên (đến hết hàng rào Bảo tàng tỉnh)	7.500
6	Rẽ vào nhà thờ	
6.1	Từ đường Bến Tượng vào 150m	7.500
6.2	Qua 150m rẽ đi 2 phía đến 250m	5.500
7	Đường trong KDC quy hoạch tổ 15,16, phường Trung Vương	5.500
8	Ngõ số 101; 111; 129: Từ đường Bến Tượng vào 200m	6.000
9	Ngõ số 159 rẽ KDC lô 2 Tỉnh uỷ đến gặp đường bao quanh Tỉnh Uỷ	5.500
10	Rẽ vào tổ 106, phường Túc Duyên (Giáp cầu Bóng tối), vào 100m	4.500
VI	ĐƯỜNG PHỐ 19/8 (Từ đường Bến Tượng gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	5.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
VII	ĐƯỜNG PHỐ QUYẾT TIẾN (Từ UBND phường Trung Vương đến gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	10.000
VIII	ĐƯỜNG PHỐ CỘT CỜ (Từ đường Bến Oánh đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Toàn tuyến	10.000
	Trục phụ	
1	Rẽ các ngõ 47, 70 từ đường phố Cột Cờ vào 50m	6.000
IX	ĐƯỜNG NGUYỄN DU (Từ đường Đội Cấn qua cổng trụ sở UBND thành phố Thái Nguyên gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đường Đội cấn đến gặp đường Nha Trang	16.000
2	Từ đường Nha trang đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	13.000
X	ĐƯỜNG NHA TRANG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường Bến Tượng qua cổng trụ sở UBND tỉnh)	
1	Toàn tuyến	16.000
XI	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG (Từ Quảng trường 20/8 qua rạp chiếu bóng đến gặp đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	15.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ số: 6; 8; 12: Từ đường Hùng Vương rẽ vào 200m đầu có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	4.500
2	Ngõ số 40: Vào Nhà văn hoá tổ 20, phường Trung Vương	4.500
XII	ĐƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN (Từ đường Hùng Vương gặp đường Phan Đình Phùng)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ đường Hùng Vương đến gặp đường Bến Tượng	12.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường phố Cột Cờ	11.000
3	Từ đường phố Cột Cờ đến gặp đường Phan Đình Phùng	7.000
	Trục phụ	
1	Đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Nha Trang (Đối diện Trường THCS Trung Vương)	10.000
2	Ngõ số 1, 24; 42, vào 100m đầu	4.500
3	Ngõ số 160; 120, vào 100m đầu	4.000
4	Ngõ số 3 và 5, vào 100m đầu	2.000
5	Ngõ số 7 vào chùa Đồng Mỗ: Vào 100m đầu	4.000
6	Ngõ số 9: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 4 gặp đường quy hoạch KDC số 6 phường Túc Duyên	5.000
7	Ngõ số 11: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC số 6 phường Túc Duyên	5.000
XIII	ĐƯỜNG BẮC KẠN (Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã ba Mỏ Bạch)	
1	Từ đảo tròn trung tâm đến hết đất Ki ốt xăng dầu Gia Bẫy	16.000
2	Qua đất Ki ốt xăng dầu Gia Bẫy đến hết đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên	14.000
3	Từ đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên đến ngã 3 Mỏ Bạch	13.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 678: Rẽ theo hàng rào Đội cảnh sát bảo vệ tinh đi gặp đường Phủ Liễn (toàn tuyến)	5.000
2	Ngõ số 612 rẽ vào KDC đôi Két nước (cũ) (2 ngõ) đường \geq 3,5m	5.000
3	Ngõ số 568: Rẽ đối diện Cầu Gia bẫy vào tổ 16	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.1	Từ đường Bắc Kạn vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến 300m	3.500
4	Ngõ số 432: Rẽ vào KDC cạnh Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên (vào 100m)	4.000
5	Ngõ rẽ vào cổng Đền Mẫu Thoải	4.000
6	Ngõ số 366: Vào tổ văn hoá số 13	
6.1	Từ đường Bắc Kạn vào 50m	4.500
6.2	Qua 50m đến 100m	3.000
7	Ngõ số 332: Vào tổ văn hoá số 10	
7.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000
7.2	Qua 100m đến 250m	4.000
8	Ngõ số 330: Rẽ KDC Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên vào 100m	5.000
9	Ngõ số 290: Từ đường Bắc Kạn vào 200m đầu	4.000
10	Ngõ số 238: Đường rẽ KDC cạnh Trường Trung học Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin Miền Núi	
10.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000
10.2	Qua 100m đến 250m	4.000
11	Ngõ số 236: Rẽ KDC Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4	
11.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.500
11.2	Qua 100m vào KDC đến 250m	5.000
11.3	Các đoạn còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 2,5m$	4.000
12	Ngõ số 1: Rẽ khu tập thể Sở Xây dựng (theo hàng rào Công ty CP Vận tải số 10) gặp đường goòng cũ	4.000
13	Ngõ số 997: Rẽ KDC Chi nhánh Điện thành phố	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
13.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.500
13.2	Qua 100m vào hết KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	3.500
XIV	ĐƯỜNG PHỦ LIỄN (Từ Đảo tròn Trung tâm đến Hợp tác xã Bắc Hà)	
1	Toàn tuyến	12.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 54B: (Ngã tư rẽ đi nhà hàng Cây xanh)	
1.1	Từ đường Phủ Liễn vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
2	Ngõ số 54A: Đi qua Trường THCS Nguyễn Du đến Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	
2.1	Từ đường Phủ Liễn đến hết đất Trường THCS Nguyễn Du	4.000
2.2	Từ giáp đất Trường THCS Nguyễn Du đến Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	3.000
2.3	Các ngách rẽ trên ngõ số 54A	
2.3.1	Ngách rẽ vào KDC Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vào 100m	2.500
2.3.2	Ngách rẽ theo hàng rào Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên vào 200m	2.500
2.3.3	Ngách rẽ theo hàng rào Trường THCS Nguyễn Du vào 300m	2.500
2.3.4	Ngách rẽ vào Đài Truyền hình tỉnh Thái Nguyên, vào 100m	2.500
3	Ngõ rẽ KDC Phủ Liễn 1 gặp đường đi ngõ 2 và 60, đường Hoàng Văn Thụ	6.500
4	Ngõ số 100: Rẽ đi gặp đường ngõ số 54A	2.500
5	Ngã ba HTX Bắc Hà - Gặp đường quy hoạch KDC Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5.1	Ngã ba cạnh HTX Bắc Hà đến hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn	4.000
5.2	Từ hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn đến ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	3.500
5.3	Từ ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ đến gặp đường quy hoạch KDC Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên)	3.000
5.4	Các đường quy hoạch trong KDC số 1 phường Hoàng Văn Thụ đã xong cơ sở hạ tầng	
5.4.1	Đường quy hoạch rộng $\geq 14,5m$	5.000
5.4.2	Đường quy hoạch rộng $< 14,5m$	4.000
XV	ĐƯỜNG CHU VĂN AN (Từ đường Hoàng Văn Thụ đi đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã ba ngõ số 21 sang Trường THPT Lương Ngọc Quyến	7.000
2	Ngã ba ngõ số 21 đến cổng Đoàn Ca múa Dân gian	5.000
3	Từ cổng Đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc đến ngã ba (gặp ngõ số 93 đường Chu Văn An)	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 3 rẽ vào KDC tổ 31	4.500
2	Ngõ số 21: Rẽ đến cổng Trường THPT Lương Ngọc Quyến	4.500
*	Ngách rẽ KDC Phát hành sách: Vào 100m	3.000
3	Ngõ rẽ theo hàng rào Trung tâm Nước sạch nông thôn vào 100m	4.500
4	Rẽ vào KDC Trại dưỡng lão (cũ): Vào 100m	4.000
5	Ngõ số 39: Vào làng Giáo viên Lương Ngọc Quyến, vào 150m	3.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Ngõ số 14: Rẽ theo hàng rào Trường tiểu học Đội Cán gập trục phụ đường Phủ Liễn	4.500
7	Ngõ số 26: Rẽ đến công Trung tâm Hướng nghiệp	3.000
8	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Đoàn ca múa dân gian Việt Bắc (giáp sân thể dục Trường Chu Văn An)	3.000
9	Ngõ số 70: Từ Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc gập trục phụ đường Phủ Liễn (Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ)	3.000
XVI	ĐƯỜNG MINH CẦU (Nối đường Phủ Liễn gập đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Phủ Liễn đến gập đường Hoàng Văn thụ	13.000
2	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến gập đường Phan Đình Phùng	14.000
	Trục phụ	
1	Hai ngõ rẽ từ đường Minh Cầu vào hết KDC quy hoạch tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	6.500
2	Ngõ số 01: Rẽ theo hàng rào Công ty Lương thực vào 100 m	5.500
3	Ngõ số 02 và 04: Rẽ theo hàng rào chợ Minh Cầu vào KDC sau chợ Minh Cầu, đường đã xây dựng cơ sở hạ tầng	7.000
4	Ngõ số 62: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm	
4.1	Từ đường Minh Cầu vào 100 m	3.500
4.2	Qua 100 m đến hết đất sân kho	2.500
5	Ngõ số 92: Rẽ đến Trạm xá Công an tỉnh (theo đường cũ)	3.500
6	Ngõ số 100: Vào trạm xá Công an tỉnh (đường mới) vào 100m	6.000
7	Rẽ kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên: Từ đường Minh Cầu vào hết đất Kho bạc Nhà nước tỉnh	10.000
8	Ngõ số 146: Theo hàng rào Trung tâm giáo dục trẻ em thiệt thòi vào tổ 19, phường Phan Đình Phùng	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8.1	Từ đường Minh Cầu vào 200 m	5.000
8.2	Qua 200m đến gặp đường Nguyễn Huệ	3.000
9	Ngõ số 153: Rẽ KDC đối diện Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (Bia Vicoba)	
9.1	Từ đường Minh Cầu vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC có đường rộng ≥ 9 m	6.000
9.2	Trục còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng ≥ 9 m	5.500
10	Ngõ số 160: Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên, vào 150m	3.500
11	Ngõ số 206: Rẽ vào KDC Công ty CP May xuất khẩu Thái Nguyên (đối diện Khách Sạn Thái Hà), vào 150 m	3.500
XVII	ĐƯỜNG HOÀNG NGÂN (Nối ngã tư đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Toàn tuyến	10.000
	Trục Phụ	
1.	Ngõ rẽ vào Trụ sở Công an phường Phan Đình Phùng (mới)	
1.1	Có đường rộng ≥ 10 m	7.000
1.2	Có đường rộng < 10 m	5.000
2.	Rẽ theo Trạm biến áp Việt Xô đến gặp đường phố Xương Rồng	2.500
XVIII	ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua Trường tiểu học Nguyễn Huệ gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	6.500
2	Từ giáp đất bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	5.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Các đường trong KDC quy hoạch A1, A2 có mặt đường rộng $\geq 9m$	
1.1	KDC lô 2 + lô 3	6.000
1.2	KDC lô 4 + lô 5	5.000
1.3	KDC lô 6 + lô 7	4.500
2	Các trục phụ còn lại (rẽ trên đường Nguyễn Huệ) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5 m$, vào 100 m	3.000
XIX	ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG (Đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Bến Tượng	10.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường Lương Ngọc Quyến	12.000
3	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái	8.500
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh số nhà 18, đường Phan Đình Phùng đến gặp đường bao quanh Tỉnh uỷ	5.000
1.1	Các đường trong khu quy hoạch dân cư số 1, phường Trưng Vương (cạnh Đảng uỷ khối cơ quan dân chính Đảng)	4.000
2	Rẽ vào KDC sau UBND phường Túc Duyên (Đoạn trục phụ vuông góc với đường Phan Đình Phùng)	4.500
3	Rẽ vào tổ 14,15, phường Túc Duyên	
3.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
3.2	Qua 100m đến 250m	2.500
4	Lối rẽ đối diện Tỉnh uỷ vào tổ 14, phường Túc Duyên đi gặp ngõ tổ 14, 15, phường Túc Duyên	2.500
5	Rẽ vào tổ 13, 14, phường Túc Duyên	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 200m	2.800
5.2	Qua 200m đến 500m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
6	Rẽ theo hàng rào Tỉnh uỷ gặp đường Bao quanh Tỉnh uỷ (cổng Tỉnh uỷ cũ)	4.500
7	Ngõ rẽ từ Công an phường Phan Đình Phùng (cũ) vào 100m	5.000
8	Ngõ số 281: Vào 100m	3.500
9	Ngõ số 158: Rẽ vào Trường THPT Dân lập Nguyễn Trãi	
9.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
9.2	Sau 100m đến 250m	3.000
10	Ngõ số 198:	
10.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào đến ngã 3 đầu tiên	4.000
10.2	Từ ngã 3 đầu tiên đi về hai phía 100m	3.000
11	Rẽ cạnh số nhà 321 vào 100m (tổ 27, phường Phan Đình Phùng)	3.000
12	Ngõ số 377: Rẽ sau Công ty thức ăn gia súc gặp đường phố Xương Rồng	3.000
13	Ngõ số 366: Rẽ vào tập thể Công ty thức ăn gia súc cũ	
13.1	Vào 50m	3.500
13.2	Sau 50m đến 150m	2.500
14	Ngõ số 392: Rẽ gặp đường Nguyễn Huệ	2.500
15	Ngõ số 446 và 466: Rẽ KDC Hồng Hà vào 150m có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	5.000
16	Các trục đường trong KDC số 3 + 4, phường Đồng Quang đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
16.1	Đường rộng $\geq 14,5m$	5.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16.2	Đường rộng $\geq 9\text{m}$ và $< 14,5\text{m}$	4.000
XX	ĐƯỜNG PHỐ XƯƠNG RỒNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng Trường THCS Nha Trang đến gặp phường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất trường THCS Nha Trang	5.500
2	Từ giáp đất trường THCS Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng	4.500
	Trục phụ	
1	Rẽ vào chùa Ông, vào 100m	2.500
2	Ngõ 54: Vào 100m	2.500
2.1	Ngách rẽ KCD Đoàn nghệ thuật Thái Nguyên, vào 50m	2.000
3	Rẽ theo hàng rào cạnh trường THCS Nha Trang, vào 100m	2.500
4	Từ Trạm biến áp Việt Xô ra khu đô thị hồ Điều hòa Xương Rồng, 50m	2.500
XXI	ĐƯỜNG BẾN OÁNH (Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)	
1	Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ	16.000
2	Từ ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	13.000
3	Từ rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên đến rẽ bến phà Soi	10.000
4	Từ rẽ bến phà Soi đến cổng xiphông qua đường	6.000
5	Từ cổng xiphông đến cầu treo Bến Oánh	4.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 315: Rẽ KDC Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp (Nông sản thực phẩm cũ) đi gặp đường phố Cột Cờ	8.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Ngõ số 230: Rẽ KDC Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	
2.1	Trục chính vào hết đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	5.000
2.2	Qua đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đến hết KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	4.000
3	Ngõ số 224: Rẽ đến cổng Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	5.500
4	Ngõ rẽ vào tổ 7, phường Túc Duyên (giáp chợ Túc Duyên) vào 100m	3.000
5	Ngõ số: 155; 222; 165; 201:	
5.1	Mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5m$, vào 100m	4.000
5.2	Đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, nhưng $< 3,5$, vào 100m	3.500
6	Ngõ số 182: Rẽ xóm phà Soi đến đường đê Sông Cầu	
6.1	Trục chính vào đến khu tái định cư kè Sông Cầu	4.000
6.2	Từ khu tái định cư kè Sông Cầu đến gặp đường Thanh niên	3.500
6.3	Các đường ngang trong khu quy hoạch tái định cư	3.200
7	Rẽ cạnh số nhà 160 vào tổ 5, phường Túc Duyên	
7.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
7.2	Qua 100 m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
8	Ngõ số 140; 114 và 57:	
8.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
8.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
9	Rẽ KDC số 4 phường Túc Duyên (Khu Detech)	
9.1	Từ đường Bến Oánh đến đê Sông Cầu	4.000
9.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	3.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10	Ngõ số 68; 16 và 5:	
10.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
10.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
11	Ngõ số 1 đi bến đò Oánh vào 100m	2.000
XXII	ĐƯỜNG BAO QUANH TỈNH ỦY (Nối từ đường Hùng Vương đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Từ đường Hùng Vương đến chân dốc Tỉnh uỷ (Công cũ)	6.000
2	Từ chân dốc Tỉnh uỷ (công cũ) hết đất Tỉnh uỷ	4.500
3	Giáp đất Tỉnh uỷ gặp đường Phùng Chí Kiên	5.000
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ trục chính vào 100m có đường $\geq 2,5m$	2.800
XXIII	ĐƯỜNG TỨC DUYÊN (Từ đường Phan Đình Phùng qua cổng trụ sở UBND phường Túc Duyên đi Huống)	
1	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất UBND phường Túc Duyên	6.000
2	Từ giáp đất UBND phường Túc Duyên đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên	5.000
3	Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên đến lối rẽ đi cầu phao Huống Trung	4.000
4	Từ lối rẽ đi cầu phao Huống Trung đến cầu treo Huống	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC số 6 Túc Duyên	
1.1	Từ đường Túc Duyên vào đến hết đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên	5.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.2	Từ giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên đến gặp đường bê tông KDC hiện có	4.500
2	Rẽ vào hết đất Trường Tiểu học Túc Duyên	4.000
3	Rẽ theo hàng rào UBND phường Túc Duyên, vào 100m	3.700
4	Rẽ KDC số 7 phường Túc Duyên vào 100 m	3.500
5	Ngõ rẽ tổ 18; 19 vào 100 m	2.200
6	Ngõ rẽ tổ 23 vào 100 m	2.000
7	Ngõ rẽ tổ 22 vào 100 m	2.200
XXIV	ĐƯỜNG BẮC NAM (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba Bắc Nam gặp đường Thống Nhất)	
1	Toàn tuyến	9.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 46: Rẽ KDC số 4 phường Phan Đình Phùng, vào 50m	2.800
2	Ngõ số 50: Rẽ đi hết KDC số 4 phường Phan Đình Phùng gặp ngõ 46 (đã xong cơ sở hạ tầng)	3.800
3	Ngõ số 67: Rẽ đi tổ 18, phường Gia Sàng	
3.1	Vào 100m	2.800
3.2	Qua 100m đến 200m	2.200
4	Ngõ số 105: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng (sân kho HTX cũ), vào 100m	3.500
5	Ngõ số 141: Đi gặp ngõ số 536 đường Cách mạng tháng Tám vào 50m	2.800
6	Ngõ số 92: Rẽ đến cổng HTX cơ khí Bắc Nam	3.800
7	Ngõ rẽ cạnh số nhà 126 vào 70m	3.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8	Ngõ số 157: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng, vào 50m	3.200
9	Ngõ số 77: Rẽ đi tổ 22, phường Gia Sàng, vào 100m	3.200
10	Ngõ số 247: Rẽ đi tổ 23, phường Gia Sàng, vào 100m	2.800
XXV	ĐƯỜNG TÂN QUANG (Từ đường Bắc Nam đến đường Thanh niên Xung phong)	
1	Từ đường Bắc Nam đến hết đất Trường Lê Quý Đôn	3.200
2	Giáp đất Trường Lê Quý Đôn đến hết đất Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng	2.800
3	Từ Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng đến đường sắt	1.800
4	Từ đường sắt đến gặp đường Thanh niên xung phong	1.200
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đối diện Trường Lê Quý Đôn, vào 100m	2.000
2	Các nhánh rẽ trên đường Tân Quang có mặt đường bê tông rộng $\geq 2\text{m}$, vào 100m (thuộc đoạn từ đường Bắc Nam đến đường sắt)	1.200
XXVI	ĐƯỜNG GIA SÀNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng UBND phường Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng UBND phường Gia Sàng	3.800
2	Từ cổng UBND phường Gia Sàng đến ngã 3 cổng Trường tiểu học Gia Sàng	3.000
3	Từ cổng Trường tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 đi KDC số 1 Gia Sàng	2.500
4	Từ ngã ba đi KDC số 1 Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét	2.000
	Trục phụ	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Rẽ theo hàng rào Công an phường Gia Sàng gặp đường rẽ đi xưởng đậu cũ, vào 150m	2.800
2	Rẽ vào đến cổng Trường tiểu học Gia Sàng	1.800
3	Rẽ Trạm nghiên cứu sét đến giáp đất KDC bệnh xá Ban chỉ huy Quân sự	1.500
4	Rẽ đến hết trại chăn nuôi HTX Gia Sàng cũ	1.500
5	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Trạm xử lý nước thải	2.000
XXVII	ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất xưởng bia Công ty Việt Bắc Quân khu I	3.800
2	Từ giáp đất xưởng bia Công ty Việt Bắc đến đường sắt Hà Thái	2.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến hết suối Loàng	1.800
4	Từ suối Loàng cách 300 m đến đường 3/2	3.000
5	Từ cách 300 m đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ đường Thanh niên xung phong vào khu tập thể Cán A, vào 100m	2.000
2	Rẽ dài tường niệm Thanh niên xung phong, vào 100m	2.000
3	Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty cổ phần kim khí Gia Sàng	1.500
4	Rẽ từ Bờ Hồ đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Lập	2.500
XXVIII	ĐƯỜNG GA THÁI NGUYÊN (Nối đường Lương Ngọc Quyến qua Ga Thái Nguyên gặp đường Quang Trung)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ ngã tư đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái	9.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường Quang Trung	7.000
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ từ số nhà 208 theo hàng rào sau chợ Đồng Quang gặp ngõ số 108 đường Lương Ngọc Quyến (giáp Bên xe khách Thái Nguyên)	4.000
2	Ngõ số 216: Rẽ vào Công ty cổ phần In Thái Nguyên	
2.1	Từ trục chính đến cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên	4.000
2.2	Từ cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên vào hai phía 150m	3.000
3	Ngõ số 260: Rẽ vào KDC Ao dân quân	
3.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến hết đất Trường Mầm non Quang Trung	4.000
4	Ngõ số 215: Vào 100m (KDC bãi sân ga)	3.500
5	Ngõ số 312: Rẽ UBND phường Quang Trung	
5.1	Vào 100m	4.000
6	Ngõ số 334: Rẽ vào đến cổng Trường THCS Quang Trung	3.000
7	Ngõ số 157: Vào 100m	2.500
8	Ngõ số 378: Rẽ Trung tâm Bảo trợ Xã hội	
8.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 200m	3.000
8.2	Qua 200m đến cổng Trung tâm Bảo trợ Xã hội	2.200
9	Ngõ số 404: Rẽ đến cầu sắt sau Z 159	
9.1	Từ đường Ga Thái Nguyên đến hết đất Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	3.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9.2	Từ hết đất Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân đến cầu sắt sau Z159	2.500
XXIX	ĐƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN (Từ đường Lương Ngọc Quyến gặp đường Lương Thế Vinh)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên	10.000
2	Từ đường rẽ vào cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên đến gặp đường Lương Thế Vinh	8.000
	Trục phụ	
1	Các đường trong khu quy hoạch KDC Nam Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng, có mặt đường rộng $\geq 7m$	6.500
XXX	ĐƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua cổng Công ty cổ phần Xây dựng số 1 đến đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung	5.000
2	Từ ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung đến gặp đường Lê Quý Đôn	5.500
3	Từ đường Lê Quý Đôn gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)	6.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ số 7; 22; 24; 26; 43; 60 và 80: Vào 100m đầu	3.000
2	KDC số 2 Quang Trung (đã xong cơ sở hạ tầng)	
2.1	Đường rộng $\geq 9m$	3.500
2.2	Đường rộng $\geq 6m$, nhưng $< 9m$	3.000
2.3	Đường rộng $< 6m$	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Ngõ số 125: Vào 250m	2.000
4	Ngõ số 96A; 96B; 147; 165 và ngõ rẽ từ số nhà 169: Vào 100m	2.500
XXXI	ĐƯỜNG MỎ BẠCH (Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến đường sắt Hà Thái	4.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	5.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 21: Rẽ cạnh nhà văn hóa Mỏ Bạch, vào 100m	3.000
2	Rẽ từ số nhà 01 vào 100 m xuống chân đê đường Mỏ Bạch	2.000
3	Đường rẽ song song đường sắt, vào 100m	2.500
4	Đường quy hoạch trong KDC Đại học Nông lâm Thái Nguyên	
4.1	Đường rộng $\geq 6m$	4.500
4.2	Đường rộng $\geq 3,5m$, nhưng $< 6m$	3.500
XXXII	ĐƯỜNG PHỐ ĐÔNG QUANG (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua khu dân cư Tỉnh đội đi gặp đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến giáp đất Khách sạn Đông Á II	5.500
2	Từ giáp đất Khách sạn Đông Á II đi gặp đường Lương Ngọc Quyến	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà hàng ASEAN, vào 150m	3.800
2	Rẽ KDC đời C25 cũ, vào 150m	3.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Rẽ vào KDC số 2 Đồng Quang gặp đường Đồng Quang	4.200
4	Rẽ vào KDC tinh đội, vào 150m	3.500
XXXIII	ĐƯỜNG VIỆT BẮC (Từ đường Thống Nhất qua Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc gặp đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc	2.800
2	Từ cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc đến gặp đường Quang Trung	4.000
3	Từ đường Quang Trung gặp đường Mỏ Bạch	3.000
	Trục phụ	
1	Các trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	2.000
XXXIV	ĐƯỜNG QUANG TRUNG (Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương)	
1	Đường sắt Hà Thái đến ngã 3 rẽ cổng Z159	11.000
2	Từ ngã ba rẽ Z159 đến cầu vượt Đán	10.000
3	Từ cầu vượt Đán đến ngã 3 Đán đi Núi Cốc +100m (đến đất Chợ Đán)	11.000
4	Từ ngã 3 Đán đi Núi Cốc + 100m đến ngã 3 rẽ Bệnh viện A (cũ)	7.000
5	Từ ngã ba rẽ Bệnh viện A cũ đến gặp đường Thịnh Đức (rẽ Dốc Lim)	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC Z159	
1.1	Từ trục chính vào đến cổng Z159	5.000
1.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC Z159 có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Ngõ số 155: Rẽ KDC X79	
2.1	Vào 100m:	3.500
2.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch X79 có đường rộng $\geq 5m$	3.000
3	Ngõ số 233: Rẽ vào X79 và Trường Cao đẳng Nghề số 1 Bộ Quốc phòng	
3.1	Vào 150m	4.200
3.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC X79 có đường rộng $\geq 5m$	3.200
4	Ngõ số 243: Vào 100m	2.800
5	Ngõ số 245: Rẽ tiểu đoàn 2 vào 150m	3.200
6	Rẽ KDC số 3 phường Tân Thịnh	
6.1	Từ đường Quang Trung vào 100m	5.000
6.2	Các đường quy hoạch trong KDC có đường rộng $\geq 5m$, nhưng $< 9m$	4.000
7	Rẽ từ đường Quang Trung vào đến hết đất UBND phường Tân Thịnh	3.200
8	Rẽ vào khu tập thể Công ty tư vấn Xây dựng giao thông	
8.1	Từ đường Quang Trung vào 150m	2.800
8.2	Các đoạn còn lại trong khu tập thể Xí nghiệp khảo sát thiết kế giao thông có đường rộng $\geq 5m$	2.200
9	Rẽ đi Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến (cũ), vào 100m	2.800
10	Ngõ số 365: Rẽ tổ nhân dân số 18, phường Thịnh Đán (cạnh kiốt xăng), vào 100m	3.200
11	Ngõ số 340: Rẽ tổ nhân dân số 19, phường Thịnh Đán, vào 100m	3.200
12	Ngõ số 407: Vào 150m	3.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
13	Rẽ vào cổng cũ Trường Cao đẳng Sư phạm đến giáp đất Trường Cao đẳng Sư phạm	3.800
14	Ngõ số 417: Rẽ vào tổ nhân dân số 20 đối diện cổng Trường Cao đẳng Sư phạm, vào 100m	3.200
15	Ngõ số 429: Vào 100m	3.200
16	Ngõ số 443: Rẽ cạnh Công an phường Thịnh Đán, vào 100m	3.200
17	Ngõ số 470: Rẽ cạnh Bệnh viện phụ sản, vào KDC số 6 Thịnh Đán	
17.1	Từ đường Quang Trung đến hết KDC có đường rộng $\geq 12m$	6.000
17.2	Rẽ vào lô 2 + 3 đã xong cơ sở hạ tầng có đường rộng $\geq 6m$, nhưng $< 12m$	5.000
18	Ngõ số 463: Rẽ cạnh báo Nông nghiệp Việt nam, vào 150m	4.000
19	Ngõ số 541: Vào 100m	2.500
20	Ngõ số 573: Rẽ cạnh Chợ Đán, vào 100m	3.000
21	Rẽ vào Đội Thuế phường Thịnh Đán, vào 100m	2.000
22	Ngõ số 613: Vào 100m	1.800
23	Ngõ số 621: Đối diện cổng Trường Ngô Quyền, vào 100m	1.800
24	Ngõ cạnh Trường Ngô Quyền, vào 150m	1.800
25	Ngõ số 675: Vào 100m	1.500
26	Rẽ vào Bệnh viện A cũ	
26.1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Bệnh viện Tâm thần (Bệnh viện A cũ)	3.500
26.2	Từ hết đất Bệnh viện Tâm thần đến hết đất nhà Văn hóa tổ 14, phường Thịnh Đán	2.000
27	Ngõ số 689; 691: Vào 100m	1.300

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ	
28	Ngõ số 648: Vào 200m	1.300	
29	Ngõ rẽ vào đến Chùa Đán	1.800	
30	Ngõ số 721: Rẽ cạnh kênh Núi Cốc đến sau Trung tâm GDLĐXH tỉnh Thái Nguyên, vào 150m	1.500	
31	Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên, vào 200m	1.800	
XXXV	ĐƯỜNG PHÚ THÁI (Từ đường Quang Trung qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải gặp đường Thống Nhất)		
	1	Từ đường Quang Trung đến hết đất KDC số 1 phường Tân Thịnh	3.500
	2	Từ giáp đất KDC số 1 phường Tân Thịnh đến ngã 3 rẽ đi qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	3.000
	3	Từ ngã 3 rẽ đi Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	2.500
	4	Từ cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số I	3.000
	5	Từ rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số I đến gặp đường Thống Nhất	3.500
		Trục phụ	
1	Rẽ KDC số 1 phường Tân Thịnh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng		
1.1	Có đường rộng $\geq 14,5\text{m}$	3.000	
1.2	Có đường $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 14,5\text{m}$	2.500	
2	Ngõ số 118: Rẽ đến giáp KDC số 5 phường Tân Thịnh	2.500	
3	Khu quy hoạch dân cư số 5 phường Tân Thịnh đã xong cơ sở hạ tầng		
3.1	Các đường quy hoạch có đường rộng $\geq 19\text{m}$	3.500	
3.2	Các đường còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 5\text{m}$	2.500	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4	Từ giáp đất KDC số 5 phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba cổng Bệnh viện Lao ra đường Thống nhất	
4.1	Đường mới	3.500
4.2	Đường cũ	2.500
5	Ngõ số 109; 107; 100; 97: Vào 100m	2.000
6	Ngõ số 65: Rẽ KDC Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải (đã xong cơ sở hạ tầng)	2.200
7	Ngõ số 46: Vào Nhà văn hoá tổ 19, phường Tân Thịnh	
7.1	Vào đến hết Nhà văn hoá tổ 19	2.200
7.2	Các đường nhánh còn lại có đường rộng $\geq 5m$	1.700
8	Ngõ số 44: Rẽ KDC Công ty cổ phần Xây dựng phát triển Nông thôn, vào 150m	2.200
9	Ngõ số 31: Vào 100m	1.800
10	Ngõ số 32: Rẽ Nhà văn hoá tổ 18, phường Tân Thịnh, vào 150m	2.200
XXXVI	ĐƯỜNG TÂN THỊNH (Từ đường Quang Trung qua Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính gặp đường 3-2)	
1	Từ đường Quang Trung vào 150m	3.500
2	Qua 150m đến cổng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	2.200
3	Từ cổng Trường Cao đẳng kinh tế Kỹ thuật đến giáp đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	3.200
4	Từ đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường 3-2	4.500
	Trục Phụ	
1	Ngõ số 45: Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 22, phường Thịnh Đán, vào 100m	1.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Ngõ số 75; 58; 68; và 84: Vào 100m	1.800
3	Ngõ số 101: Vào 200m	1.800
4	Ngõ số 137:	
4.1	Vào 150 m	2.000
4.2	Qua 150 m đến 400 m	1.800
5	Ngõ số 191: Vào 100 m	1.800
XXXVII	ĐƯỜNG Z115 (Từ đường Quang Trung đến gặp đường Tố Hữu)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Ký túc xá sinh viên	7.000
2	Từ hết đất Ký túc xá sinh viên đến cầu vượt Sơn Tiến	3.500
3	Từ cầu vượt Sơn Tiến đến gặp đường Tố Hữu	3.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ đến cổng phụ UBND phường Tân Thịnh	3.000
2	Ngõ số 16; 30: Rẽ Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Thịnh, vào 100 m	3.000
3	Ngõ số 25: Vào 100 m	3.000
4	Ngõ số 43: Vào 100 m	3.000
5	Rẽ vào KDC tổ 10, phường Tân Thịnh	
5.1	Từ đường Z115 vào 150 m	3.000
5.2	Qua 150 m đến 250 m	2.500
6	Ngõ số 75: Vào 100 m	2.500
7	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Trường Thiếu sinh quân thuộc tổ 7, phường Tân Thịnh	
7.1	Vào 100 m	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7.2	Qua 100 m đến 250 m	2.200
8	Ngõ số 109: Rẽ vào Toà án quân sự Quân khu I	
8.1	Từ đường Z115 đến cổng Toà án quân sự Quân khu I	3.500
8.2	Từ cổng Toà án quân sự Quân khu I đến Nhà văn hóa tổ 6, phường Tân Thịnh	2.500
8.3	Đoạn còn lại có mặt đường bê tông ≥ 3 m	2.000
9	Rẽ đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên	
9.1	Từ đường Z115 đến rẽ cổng Văn phòng Đại học Thái Nguyên, có đường rộng ≥ 19 m	6.000
9.2	Các đường trong KDC quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
9.2.1	Đường rộng ≥ 14 m, nhưng < 19 m	4.500
9.2.2	Đường rộng ≥ 9 m, nhưng < 14 m	3.500
9.3	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Z115 đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên, vào tổ 2 và tổ 3, phường Tân Thịnh	
9.3.1	Từ trục phụ vào 200 m	2.000
9.3.2	Qua 200 m đến 500 m	1.500
9.4	Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện Văn phòng Đại học Thái Nguyên đi đến cầu sắt sau Z159	2.000
10	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 5, phường Tân Thịnh, vào 150m	2.000
11	Ngõ rẽ cạnh Trường THPT vùng cao Việt Bắc vào đến cầu vượt tuyến tránh quốc lộ 3	2.000
12	Ngõ rẽ cạnh Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên, vào 100m	2.000
13	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 3, Tiến Ninh (2 đường)	
13.1	Từ đường Z115 vào 100m	1.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
14	Rẽ từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	
14.1	Từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	1.200
14.2	Rẽ KDC xóm Nước Hai và các đường trong KDC quy hoạch Tái định cư xóm Nước Hai	1.000
15	Rẽ KDC xóm Thái Sơn và các đường trong KDC quy hoạch Thái Sơn	1.200
16	Ngõ rẽ cạnh Nhà văn hóa Z115 vào 100m	1.200
17	Các ngõ rẽ còn lại vào 100m đường rộng $\geq 2,5m$	1.000
XXXVIII	ĐƯỜNG TÓ HỮU (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến cổng Công ty Việt Bắc	5.000
2	Từ cổng Công ty Việt Bắc đến ngã 3 gặp đường Z115	3.000
3	Từ ngã ba gặp đường Z115 đến ngã tư xóm Cây Xanh	2.500
4	Từ ngã tư xóm Cây Xanh đến rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân	2.000
5	Từ rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân đến đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân	2.500
6	Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc	2.000
7	Từ ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Khuôn Năm	1.500
8	Từ đầu cầu Khuôn Năm + 500m	1.000
9	Đoạn còn lại đến hết đất thành phố	600
	Trục phụ	
1	Ngõ số 15; 22; 27; 33: Vào 100m	1.800
2	Ngõ số 36: Vào 50m	1.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Ngõ số 45; 51: Vào 150m	1.800
4	Ngõ số 38: Vào 100m	1.800
5	Ngõ số 70 đi xóm Gò Móc, vào 150m	1.000
6	Ngõ số 80; 100 rẽ đi Chùa Cả vào 500m	900
7	Rẽ đi Sơn Tiến gặp đường Z115, có mặt đường bê tông $\geq 3m$	1.500
8	Rẽ xóm Cây Xanh (đối diện X84) vào 100m	700
9	Rẽ đến quán 300	600
9.1	Các đường rẽ trên tuyến là đường bê tông liên xã $\geq 2,5m$ vào 200m	500
10	Rẽ từ đường Tố Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nén, nhà văn hoá Đồng Kiệm, Nhà văn hoá Nhà thờ	
10.1	Rẽ từ đường Tố Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nén	800
10.2	Nhà văn hoá Núi Nén đến Nhà văn hóa Nhà thờ	600
10.3	Nhà văn hoá Núi Nén đến nhà văn hoá Đồng Kiệm	600
11	Rẽ từ đường Tố Hữu vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 2	800
12	Nhà văn hoá xóm Giữa 2 vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 1	600
13	Rẽ từ đường Tố Hữu theo 2 đường	
13.1	Từ đường Tố Hữu vào đến Nhà văn hóa xóm Cây Thị	800
13.2	Từ nhà văn hóa xóm Cây Thị đến Nhà văn hóa xóm Đèo Đá	500
14	Rẽ đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	
14.1	Từ đường Tố Hữu vào đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	1.000
14.2	Từ Trạm Y tế xã xã Phúc Xuân đến Nhà văn hóa xóm Xuân Hòa	700
15	Rẽ từ đường Tố Hữu đến Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	600

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh đến đập tràn xã Phúc Trìu	800
17	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Cây Si	500
18	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Xuân Hoà	800
19	Rẽ vào đến ngã 3 Khuôn Năm Độc Lầy	
19.1	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Độc Lầy	800
19.2	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Độc Lầy đến Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm	400
20	Rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m	500
21	Từ ngã ba đi đập Nam Hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trắng	1.200
22	Từ đường Phúc Xuân đến xóm rừng Chùa xã Phúc Trìu	800
23	Từ đường Tố Hữu đến hết khách sạn Đông Á III	1.000
XXXIX	ĐƯỜNG TÂN CƯƠNG (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc)	
1	Từ đường Quang Trung đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán	2.500
2	Từ Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán đến ngã ba quán 300	2.000
3	Từ ngã ba quán 300 đến rẽ chùa Yna	1.500
4	Từ đường rẽ vào chùa Yna đến ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương	1.500
5	Từ đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương đến đường rẽ đi bãi rác	1.200
6	Từ đường rẽ đi bãi rác đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc (đập chính Hồ Núi Cốc)	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Tân Cương đến rẽ cổng chính xóm Chợ đi qua xóm Soi Mít gặp đường Tân Cương, từ hai đầu đường vào 300m	800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.1	Đoạn còn lại trong tuyến	700
1.2	Từ đường Tân Cương vào xóm Soi Mít	500
2	Rẽ chùa Yna, vào 500m	1.000
3	Rẽ đi Núi Guộc, vào 500m	1.000
4	Rẽ Trường Mầm non xã Tân Cương vào hết đất Trạm Y tế xã	1.000
4.1	Từ hết đất Trạm Y tế + 200m	800
5	Rẽ đến cổng Trường THCS Tân Cương	500
6	Rẽ đi Khu xử lý rác thải rắn đến ngầm Hồng Thái	500
7	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m, vào 200m	500
XL	ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Thịnh Đức đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	1.500
2	Từ đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên đến cổng Trường THCS Thịnh Đức	1.200
3	Từ cổng Trường THCS Thịnh Đức đến đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382	1.200
4	Từ đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công	1.000
5	Từ ngã 3 đi Sông Công đến hết đất thành phố	500
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 đi Sông Công đến Trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Thịnh Đức)	400
2	Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m, vào 200m	400

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
XLI	ĐƯỜNG PHÚC XUÂN (Từ đường Tố Hữu đến gặp đường Phúc Trìu)	
1	Toàn tuyến	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Phúc Xuân rẽ theo 2 đường đến Nhà văn hóa xóm Long Giang	500
XLII	ĐƯỜNG PHÚC TRÌU (Từ đường Tân Cương - Dọc theo kênh Núi Cốc đến đường Nam Núi Cốc)	
1	Toàn tuyến	800
XLIII	ĐƯỜNG NAM NÚI CỐC (Từ đường Phúc Trìu nối đến đường Tố Hữu)	
1	Toàn tuyến	1.000
XLIV	ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến Km số 6 Quốc lộ 3)	
1	Từ ngã ba Mỏ Bạch đến gặp đường đê Mỏ Bạch	16.000
2	Từ đê Mỏ Bạch đến Cầu Mỏ Bạch	11.000
3	Từ cầu Mỏ Bạch đến công phụ Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	5.000
4	Từ công phụ Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến công Z127	5.000
5	Từ công Z127 đến đường băng tải than Núi Hồng	5.500
6	Từ băng tải than Núi Hồng đến cầu Tân Long	5.500
7	Từ cầu Tân Long đến ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3	5.000
8	Từ ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3 đến Km số 6 (giáp đất Phú Lương)	4.200
	Trục phụ	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Đường rẽ vào cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch đến KDC Sở Xây dựng	
1.1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Nhà máy xay	5.000
1.2	Từ cổng Nhà máy xay đến KDC Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5m$	4.000
1.3	Từ Nhà máy xay rẽ trái vào 100m	3.000
2	Ngõ số 20/1: Rẽ vào Khu tập thể Cầu đường, vào 150m	2.500
3	Ngõ số 885: Vào đến đất Doanh nghiệp may Tháng Tám	3.000
4	Ngõ số 962: Rẽ vào chợ Quang Vinh mới	
4.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 200m rẽ về 2 phía	1.800
4.3	Tiếp theo 2 phía có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, nhưng $< 3,5m$	1.500
5	Ngõ số 882: Rẽ vào xóm Thần Vi	
5.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
5.2	Qua 100m đến 200m	1.800
5.3	Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi nghĩa trang Thần Vi	1.500
5.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
6	Ngõ số 865 và ngõ rẽ cạnh UBND phường Quang Vinh, vào đến nhà văn hoá tổ 8, phường Quang Vinh	2.500
7	Ngõ số 845: Rẽ vào cổng phụ Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
7.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	3.500
7.2	Qua 100m đến Nhà văn hóa Điện lực	3.000
7.3	Từ Nhà văn hóa Điện lực đến hết Trường Mầm non Điện lực	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7.4	Các đường rẽ trong KDC quanh sân bóng có mặt đường bê tông rộng $\geq 3m$	2.000
8	Ngõ số 719: Rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
8.1	Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	3.500
8.2	Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất Hợp tác xã Cộng Lực	2.500
9	Ngõ số 740: Vào tổ nhân dân Tân Thành (đối diện Ngõ số 719 vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)	
9.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.500
9.2	Qua 100m đến 200m	2.000
9.3	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
10	Ngõ số 675b: Vào hết đường dân sinh	2.500
11	Rẽ cổng nhà máy Z127 đến khu tập thể Z127	
11.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Z127	3.500
11.2	Từ cổng Z127 rẽ theo hàng rào Z127 đến nhà công vụ Z127	3.000
12	Ngõ rẽ từ đường Dương Tự Minh vào đến nhà công vụ Z127	4.000
12.1	Từ nhà công vụ Z127 đến gặp Chợ Quan Triều	1.800
12.2	Các nhánh rẽ trên đường từ nhà công vụ Z127 đến hết khu tập thể Z127 gặp Chợ Quan Triều vào 100m có đường bê tông $\geq 2m$	1.000
13	Ngõ số 615; 647 và 673:	
13.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800
13.2	Qua 100m đến 200m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200
14	Ngõ số 616; 618: Rẽ KDC Cửa hàng ăn Quan Triều đến Thư viện Z127	2.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15	Ngõ số 575: Rẽ vào Ban Quản lý dự án Công ty nhiệt điện Cao Ngạn (ngõ Đá)	
15.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Ban quản lý dự án	2.500
15.2	Từ cổng Ban quản lý dự án đi KDC Xây lắp cũ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
16	Ngõ số 527: Rẽ theo hàng rào Bưu điện Quan Triều, vào đến ngã 3	2.500
17	Ngõ số 511: Rẽ theo đường sắt cũ	
17.1	Từ Đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
17.2	Từ qua 100m đến 300m	1.500
17.3	Nhánh đường sắt cũ rẽ sang hội Trường đồ gập khu tái định cư băng tải than	1.500
18	Rẽ vào đến cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	3.000
18.1	Từ cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ rẽ dọc theo hàng rào nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ đến gặp đường goòng cũ	1.500
18.2	Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến băng tải than đi gặp Ngõ số 511	2.000
18.3	Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5m$	2.000
19	Ngõ số 451, 698, 714, 641, 636: Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800
20	Rẽ vào đường goòng 2 bên	
20.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
20.2	Qua 100m đến 250m	1.000
21	Các ngõ rẽ chưa kể tên từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
22	Ngõ số 335: Rẽ vào KDC tổ 6, phường Tân Long, vào 100m	1.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
23	Ngõ rẽ từ số nhà 370; 404, vào 100m	1.000
24	Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2	
24.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	1.200
24.2	Đường trục ngang trong KDC 3/2 có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
25	Rẽ vào xưởng 100	
25.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
25.2	Đường ngang trong KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
26	Ngõ số 236: Rẽ vào Trại giam Công an TP cũ, vào 100m	1.200
27	Rẽ vào KDC tổ 9, phường Tân Long	
27.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
27.2	Qua 150m đến 250m tiếp theo	1.000
28	Ngõ số 146: Rẽ đến Nhà văn hóa tổ 11, phường Tân Long (Công ty cổ phần Vận tải ô tô số 10)	1.200
29	Ngõ số 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ, vào 200m	1.200
30	Ngõ số 139: Vào UBND phường Tân Long	
30.1	Từ đường Dương Tự Minh qua cổng UBND phường Tân Long đến ngã ba cổng Trường THCS Tân Long	2.000
30.2	Từ cổng Trường THCS Tân Long đến cổng Trường Tiểu học Tân Long	1.500
30.3	Nhánh rẽ từ trục phụ vào KDC số 2 phường Tân Long	1.500
31	Ngõ số 128: Rẽ vào tổ 20, phường Tân Long	
31.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba (hết đất Trường Mầm Non phường Tân Long)	1.500
31.2	Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui tuyến tránh Quốc lộ 3	1.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
31.3	KDC tái định cư phường Tân Long:	
31.3.1	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 16,5\text{m}$	1.500
31.3.2	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 16,5\text{m}$	1.200
32	Ngõ số 77: Rẽ KDC tổ 15, vào 100m	1.200
33	Ngõ số 45: Rẽ KDC tổ 16, vào 100m	1.200
34	Đường rẽ vào đôi PAM tổ 16, vào 100m	1.500
XLV	ĐƯỜNG QUANG VINH (Từ đường Dương Tự Minh qua Trường THCS Quang Vinh đi gặp đường Bắc Kạn)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Mầm non Quang Vinh	4.000
2	Từ cổng Trường Mầm non Quang Vinh đến cổng Trường THCS Quang Vinh	3.500
3	Từ cổng Trường THCS đến đất Trường Tiểu học Quang Vinh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng có đường $\geq 19,5\text{m}$	4.500
4	Từ đất Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hoá xóm Soi Dầu	3.500
5	Từ Nhà văn hoá xóm Soi Dầu đến Nhà văn hóa Quyết Tiến I, II.	2.000
6	Từ Nhà văn hoá xóm Soi Dầu ra gặp đường Bắc Kạn	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC quy hoạch Nhà máy xay Mỏ Bạch (Rẽ sau Công an phường Quang Vinh), vào 100m	2.000
2	Rẽ xóm Rừng Vầu, vào 200m	2.000
3	Rẽ tổ Quang Vinh 1; Quang Vinh 2 vào 150m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.000
4	Đường còn lại trong KDC số 1 Quang Vinh đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng: Đường rộng $\geq 9\text{m}$	4.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Trường tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hóa tổ Soi Dầu), vào 150m	2.500
6	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Nhà văn hóa tổ Soi Dầu đến đường Bắc Kạn), vào 150m	1.000
XLVI	ĐƯỜNG QUAN TRIỀU (Từ đường Dương Tự Minh vào ga Quan Triều)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên	3.200
2	Từ cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên đến Ga Quan Triều	2.200
	Trục Phụ	
1	Rẽ theo hàng rào chợ Quan Triều, vào 50m	1.800
2	Rẽ từ đường Quan Triều vào KDC Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, vào 100m	1.500
3	Rẽ từ đường Quan Triều đến cổng Trường Mầm non Quan Triều	2.200
4	Trường Mầm non Quan Triều đến hết Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ	2.000
5	Các nhánh rẽ còn lại trong khu dân cư số 3, phường Quan Triều đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	1.800
6	Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ nhân dân 15 (đổi diện đường vào cầu chui cũ)	
6.1	Vào 100m	1.800
6.2	Từ 100m đến 300m	1.200
7	Rẽ từ Ga Quan Triều theo đường sắt vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	1.200
8	Các nhánh khác rẽ từ đường Quan Triều vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
XLVII	ĐƯỜNG PHÚC HÀ (Từ đường Dương Tự Minh đến gặp đường Tố Hữu)	
1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	2.000
2	Qua 150m đến ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1.500
3	Từ ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ đến ngã 3 công cân	1.000
4	Từ ngã ba công cân đến đường sắt đi Ga B Núi Hồng	450
5	Từ đường sắt đi Ga B Núi Hồng đến cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3	750
6	Từ cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3 đến UBND xã Phúc Hà	450
7	Từ UBND xã Phúc Hà đến cách đường Tố Hữu 500m	400
8	Từ cách đường Tố Hữu 500m đến gặp đường Tố Hữu	500
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC tổ 17, phường Quan Triều, vào 150m	1.800
2	Từ ngã 3 rẽ đi gặp Trường Mầm non Quan Triều	1.200
3	Từ cổng Trường Mầm non Quan Triều đến hết đất trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	2.000
4	Từ trạm cân đến công trạm bảo vệ số 1 Mỏ than Khánh Hoà	500
5	Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến khu trung tâm hành chính xã Phúc Hà	400
6	Rẽ đến Đài tưởng niệm xã Phúc Hà	350
7	Rẽ đến Nhà văn hóa xóm 8	350
8	Rẽ theo suối Chàm Hồng đến hết đất xã Phúc Hà	400
9	Từ ngã ba lò vôi đến trạm gác thu phí số 2 xã Phúc Hà	450
9.1	Từ cổng Đồng Quan đến cổng Nhà máy xi măng Quan Triều	450

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10	Các trục phụ khác liên xóm, liên xã có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 200m	350
XLVIII	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (Từ đường Bắc Nam đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi gặp đường 3/2)	
1	Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái	8.500
2	Đường sắt Hà Thái đến hết đất Xí nghiệp may Việt Thái	7.000
3	Giáp đất xí nghiệp may Việt Thái đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	6.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 160: Rẽ đi tổ 12, phường Đồng Quang	
1.1	Từ đường Thống Nhất vào đến cổng Khách sạn Hải Yến	3.000
1.2	Từ cổng Khách sạn Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m	2.500
2	Ngõ số 279: Rẽ theo hàng rào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến hết đất Ngân hàng	3.000
3	Ngõ số 301: Đi tổ 24, phường Gia Sàng gặp đường Tân Quang	
3.1	Vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến gặp đường Tân Quang	2.000
4	Ngõ số 321: Rẽ KDC Bách hoá	
4.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m	1.800
5	Ngõ số 339: Rẽ cạnh ki ốt xăng	
5.1	Từ đường Thống Nhất vào đến ngã ba đầu tiên	3.000
5.2	Từ ngã ba đầu tiên rẽ đi 2 phía	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Ngõ số 350: Rẽ tổ 13, phường Đồng Quang, vào 150m	2.000
7	Ngõ số 369: Rẽ theo đường sắt Hà Thái vào 100m	
7.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
7.2	Qua 100m đến 250m	1.800
8	Ngõ số 1: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1A, 1B, vào 100 m (song song đường sắt Hà Thái)	1.800
9	Ngõ số 77; 89: Vào hết KDC số 3 Tân Lập đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
10	Ngõ số 294:	
10.1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Công ty cổ phần vận tải ô tô	2.500
10.2	Cổng Công ty cổ phần vận tải ô tô qua cổng Trường Lê Văn Tám đến Nhà văn hóa tổ 17	1.800
11	Ngõ số 151: Rẽ Công ty Kim khí Thái Nguyên và Trạm đăng kiểm giao thông	
11.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
11.2	Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên, Trạm đăng kiểm giao thông	2.500
12	Ngõ số 153: Rẽ KDC xưởng đậu và chợ Chè Hương, vào 100m	2.000
13	Ngõ số 209; 231: Rẽ cạnh Xí nghiệp may Việt Thái	
13.1	Vào 150m	1.800
13.2	Qua 150m đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Tân Lập	1.500
14	Ngõ số 478 rẽ KDC tập thể Trường Cao đẳng Thương Mại Trung ương 4, vào 150m	2.500
15	Ngõ số 287: Rẽ đối diện đường Phú Thái, vào 150m	2.000
16	Ngõ số 289: Rẽ theo hàng rào Xí nghiệp quản lý giao thông đến hết khu tập thể có đường bê tông $\geq 2,5m$	2.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
17	Ngõ số 556 vào đến Nhà văn hóa tổ 18, phường Tân Thịnh	2.500
18	Ngõ số 558 rẽ khu tập thể Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, vào 100 m	2.500
19	Rẽ đến cổng Bệnh viện Lao và bệnh phổi (đường cũ)	2.500
20	Ngõ số 260: Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
XLIX	ĐƯỜNG 3/2 (Từ đường Thống Nhất đến ngã ba rẽ đường Phố Hương gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Thống Nhất (ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi) đến ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài Chính	5.000
2	Từ ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập	4.500
3	Từ đường rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập đến hết đất Trường Tiểu học Tân Lập	4.500
4	Từ hết đất Trường Tiểu học Tân Lập đến đường rẽ vào Ga Lưu Xá	5.000
5	Từ đường rẽ vào Ga Lưu Xá đến rẽ đường Phú Xá	7.000
6	Từ rẽ đường Phú Xá đến Trường THCS Tích Lương	5.000
7	Từ Trường THCS Tích Lương đến ngã 3 Phố Hương	4.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Quốc lộ 3 (tuyến tránh TP), vào 250m	3.500
2	Ngõ số 401: Rẽ đối diện Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, vào 150m	2.000
3	Ngõ rẽ đến cổng XN 19/5	2.500
4	Ngõ số 118: Rẽ đối diện đường vào Xí nghiệp 19/5, vào 150m	1.500
5	Ngõ số 146: Rẽ cạnh Công an phường Tân Lập, vào 150m	1.800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Ngõ số 168: Rẽ KDC số 1 Tân Lập	
6.1	Vào 150m	3.000
6.2	Qua 150m và các đường quy hoạch rộng $\geq 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
6.3	Các đường quy hoạch rộng $\geq 5m$, nhưng $< 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.000
7	Ngõ số 547: Rẽ hết cụm công nghiệp số 2 Tân Lập	3.000
8	Ngõ số 226: Vào 150m	2.000
9	Rẽ từ cạnh số nhà 631 vào đến hết KDC xưởng thực nghiệm	2.000
10	Ngõ số 272: Vào nhà khách Kim Loại màu	
10.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.500
10.2	Qua 100m đến sân bóng	2.000
11	Ngõ số 709: Rẽ vào đến cổng Công ty 472	2.200
12	Ngõ số 360: Vào 100m (Đối diện đường vào Công ty 472)	2.000
13	Ngõ số 775: Vào 100m (Đối diện Ki ốt xăng dầu Hùng Hà)	1.500
14	Ngõ số 801: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp Hà Thanh, vào 200m	1.500
15	Ngõ rẽ cạnh cây xăng Mạnh Hùng	
15.1	Từ đường 3/2 vào 200 m	2.000
15.2	Qua 200 m đến 450 m	1.500
16	Ngõ rẽ vào xóm Ba Nhất đến sân vận động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
16.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
16.2	Qua 200 m đến sân vận động	2.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
17	Rẽ vào ga Lưu Xá	
17.1	Từ đường 3/2 đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu	3.000
17.2	Cổng văn phòng Công ty Kim loại màu đến cổng xưởng sản xuất của Công ty kim loại màu	2.000
17.3	Từ cổng Xưởng sản xuất Công ty kim loại màu đến Ga Lưu Xá	1.500
18	Rẽ KDC quy hoạch đường Ga Lưu Xá	
18.1	Từ đường Ga Lưu Xá vào 150 m	2.500
18.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch	2.000
19	Ngõ rẽ cạnh Bưu điện Phú Xá vào KDC tổ 11, vào 100m	2.000
20	Từ đường 3/2 rẽ Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên	
20.1	Từ đường 3/2 vào 200m	3.500
20.2	Qua 200m đến nhà văn hóa xóm Bắc Lương	2.000
20.3	Từ nhà văn hóa xóm Bắc Lương đến nghĩa trang xã Tích Lương	1.000
21	Rẽ xóm Cầu Thông	
21.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.500
21.2	Qua 200m tiếp theo đến đập giếng Cỏi	1.500
22	Ngõ số 1307 rẽ vào KDC tổ 27, 28, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.200
23	Ngõ số 1431 rẽ vào KDC tổ 29, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.000
24	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Hào Thọ	
24.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
24.2	Tiếp theo đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương	1.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
24.3	Từ ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương Tiếp theo đi 2 phía + 250m	1.200
25	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 1), vào 200m	2.500
26	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 2), vào 200m	1.800
27	Rẽ xóm Trung Lương đến Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	
27.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.800
27.2	Qua 200m đến 450m	1.200
27.3	Qua 450m đến đất Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	900
28	Rẽ nhà văn hóa xóm Trung Lương, vào 200m	1.500
29	Rẽ đối diện Ki ốt xăng dầu số 2 Tích Lương đến gặp đường sắt Hà Thái	
29.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.300
29.2	Qua 100m đến đường sắt Hà Thái	1.500
L	ĐƯỜNG PHÚ XÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt Hà Thái	3.500
2	Từ đường sắt Hà Thái đến đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá	3.000
3	Từ đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 83: Rẽ vào UBND phường Phú Xá đến Khu tập thể đường sắt	2.000
2	Ngõ số 101: Vào 100m	1.500
3	Ngõ rẽ vào nghĩa trang phường Phú Xá	1.500
4	Các Ngõ số 47, 56 vào 100m	1.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
LI	ĐƯỜNG 30/4 (Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)	
1	Từ ngã ba Phố Hương đến cầu Ba Cống	3.200
2	Từ cầu Ba cống đến bưu điện Tân Thành	3.500
3	Từ Bưu điện Tân Thành đến hết đất thành phố	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện kim	
1.1	Từ đường 30/4 vào 200m	1.800
1.2	Qua 200m đến cổng trường	1.500
1.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 100m	900
2	Rẽ cạnh Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Trung Thành, có đường bê tông $\geq 2,5m$	
2.1	Từ đường 30/4 vào 100m	1.200
2.2	Qua 100m đến 350m	1.000
3	Rẽ khu tái định cư Quốc lộ 3 mới	
3.1	Đường rộng $\geq 14,5 m$ đến $< 16,5 m$	1.500
3.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch có đường rộng $< 14,5 m$	1.200
4	Rẽ ngõ cạnh Hợp tác xã công nghiệp Toàn Diện, có đường bê tông $\geq 2,5 m$, vào 100m	1.200
5	Rẽ vào xóm Trước	
5.1	Từ đường 30/4 vào 200 m	800
5.2	Qua 200 m đến 400 m	600
6	Rẽ vào đến cổng Trường Văn hoá 1 Bộ Công an	800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7	Rẽ vào đến Ga Lương Sơn	700
8	Rẽ theo bờ kênh Núi Cốc đi gặp đường sắt Hà Thái, vào 200m	500
9	Rẽ xóm La Hoàng, vào 100m	700
LII	ĐƯỜNG TÍCH LƯƠNG (Từ đường 3/2 đến Lữ đoàn 210 Quân khu I)	
1	Từ đường 3/2 vào hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	5.000
2	Từ hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên + 300 m	4.000
3	Qua 300 m đến cầu hết đất Lữ đoàn 210 Quân khu I	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà văn hoá xóm Cầu Thông vào 200m	1.000
2	Rẽ nhà văn hoá xóm Tung vào 200m	1.000
3	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Quốc lộ 3 mới (Xóm Núi Dài)	1.500
4	Rẽ KDC Nam Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
4.1	Đoạn đường Tích Lương mới	3.000
4.2	Đường rộng từ 19,5 m đến < 27 m	3.000
4.3	Đường rộng từ 14,5 m đến < 19,5m	2.500
4.4	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	2.000
LIII	ĐƯỜNG PHỐ HƯƠNG (Từ đường sắt đi kếp đến gặp đường 3/2)	
1	Đường sắt đi kếp đến gặp đường Gang Thép	4.500
2	Từ đường Gang Thép đến giáp đất phân hiệu 2 Trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim	5.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Từ giáp đất phân hiệu 2 Trường cao đẳng Cơ khí Luyện kim đến ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành (gặp đường Lưu Nhân Chú)	4.000
4	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến hết KDC	5.500
*	Các đường còn lại trong KDC số 1 phường Trung Thành, đã xong hạ tầng	3.000
5	Từ hết KDC số 1 phường Trung Thành đến gặp đường 3/2	3.000
	Trục phụ	
1	2 ngõ rẽ theo hàng rào Nhà trẻ 1/5 đến hết đất Nhà trẻ	2.000
2	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 25 và 37: Vào 100m	2.000
3	Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương đoạn từ chợ Dốc Hanh đến ngã 4 đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	2.200
4	Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào KDC tập thể Phố Hương	
4.1	Rẽ vào 300m	2.200
4.2	Qua 300m đến 500m đường $\geq 3,5m$	1.800
4.3	Các đường nhánh khác trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LIV	ĐƯỜNG GANG THÉP (Từ đường 3/2 qua UBND phường Trung Thành đến gặp đường Lưu Nhân Chú)	
1	Từ đường 3/2 đến rẽ Trường Tiểu học Trung Thành	4.500
2	Từ rẽ Trường Tiểu học Trung Thành đến rẽ Trường Độc Lập	7.500
3	Từ rẽ Trường Độc lập đến đường Cách mạng tháng Tám	10.000
4	Từ đường Cách mạng tháng Tám (bách hoá Gang Thép) vào 100m	4.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5	Qua 100m đến 250m	3.000
6	Qua 250m đến cách đường Lưu Nhân Chú 100 m	2.300
7	Từ cách đường Lưu Nhân Chú 100 m đến gặp đường Lưu Nhân Chú	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ cạnh số nhà 299 đến Nhà văn hoá số 3 phường Trung Thành, vào 100m	1.500
2	Rẽ từ cạnh số nhà 196 đi tổ nhân dân số 19, phường Trung Thành, vào 100m	1.500
3	Rẽ từ cạnh số nhà 227 theo hàng rào Trung tâm hướng nghiệp thành phố Thái Nguyên	
3.1	Rẽ từ cạnh số nhà 227 đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành	1.500
3.2	Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành vào 300m	1.000
4	Rẽ cạnh Doanh nghiệp tư nhân Hải Long đi tổ nhân dân số 14, vào 100m	1.500
5	Rẽ cạnh Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Trung Thành, vào 100m	2.000
6	Rẽ từ cạnh số nhà 102 vào Trường Tiểu học Trung Thành	
6.1	Từ đường Gang Thép đến ngã ba thứ 2	2.500
6.2	Qua ngã ba thứ 2 + 250m	1.500
7	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 153: Rẽ vào Nhà văn hóa đôi Độc Lập	
7.1	Từ đường Gang Thép đến cổng Nhà văn hóa đôi Độc Lập	2.500
7.2	Các đường nhánh trong KDC đôi Độc Lập, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
8	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 88 (cạnh Kho bạc Lưu Xá cũ) vào đến ngã ba thứ 2	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Rẽ vào Trường tiểu học Độc lập	
9.1	Từ đường Gang Thép đến hết đất Trường tiểu học Độc Lập	4.500
9.2	Từ giáp đất Trường tiểu học Độc lập đến hết đất Trường THCS Độc lập	3.500
9.3	Các đường nhánh trong KDC đời Độc Lập có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
10	Rẽ KDC sau Bách hóa Dốc Hanh vào 150 m	2.000
11	Từ đường Gang Thép vào đến KDC xí nghiệp năng lượng	1.500
12	Các nhánh rẽ khác từ bách hoá Gang Thép đến đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LV	ĐƯỜNG LƯU NHÂN CHÚ (Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang thép đến cổng phụ Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên thuộc phường Cam Giá)	
1	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến cổng sân vận động Gang thép	5.000
2	Từ cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép	6.500
3	Từ đảo tròn Gang Thép đến gặp đường Hương Sơn	4.000
4	Từ đường Hương Sơn đến gặp ngõ số 261	3.500
5	Từ ngõ số 261 đến gặp đường sắt đi Kép	4.500
6	Từ đường sắt đi Kép đến rẽ đập Suối Cốc (UBND phường Cam Giá cũ)	2.000
7	Từ rẽ đập Suối Cốc đến cổng phụ Gang thép	1.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 537: vào 50m	2.000
2	Ngõ số 499; 530: Rẽ KDC lắp máy điện	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 100m	2.000
2.2	Qua 100m đến 300m có đường rộng $\geq 3,5m$	1.800
2.3	Các nhánh khác còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
3	Ngõ số 513: Đi gặp đường quy hoạch KDC cán 650	3.000
3.1	Các nhánh rẽ khác thuộc đoạn trên có mặt đường rộng $\geq 4,5m$, vào 100m	1.200
4	Ngõ số 501: Rẽ KDC Cán 650 (đường chính)	
4.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	3.500
4.2	Qua 200m đến 400m	2.500
4.3	Qua 400m đến 700m	1.800
4.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ trong KDC cán 650	1.200
5	Ngõ số 423; 465: Rẽ đến Nhà văn hoá thể thao Gang Thép, vào 150m	3.800
6	Ngõ số 434: Rẽ sau Ngân hàng Lưu Xá, vào 100m	2.800
7	Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 27, phường Hương Sơn đi đồi Sỏi, vào 100m	2.000
8	Rẽ sau đất Bưu điện Hương Sơn, vào hết KDC quy hoạch đường Lưu Nhân Chú	2.000
9	Các đường quy hoạch trong KDC đường Lưu Nhân Chú	3.000
10	Rẽ đi tổ 3, phường Hương Sơn vào 200m	1.500
11	Rẽ vào xóm Bình Dân (đối diện Bưu điện Hương Sơn), vào 100m	2.000
12	Rẽ khu tập thể nhà máy Luyện Gang	
12.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	1.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
12.2	Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể nhà máy Luyện Gang có đường $\geq 3,5\text{m}$ vào 100m	1.000
13	Ngõ số 261: Vào Trường THCS Hương Sơn	
13.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết đất Trường THCS Hương Sơn	2.000
13.2	Giáp đất Trường THCS Hương Sơn vào 200m	1.200
13.3	Rẽ từ đường Trường THCS Hương Sơn vào Trường Tiểu học Hương Sơn	1.200
13.4	Các nhánh từ đường vào Trường Tiểu học Hương Sơn có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$, vào 150m	1.000
14	Đường vào UBND phường Hương Sơn	
14.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào đến cổng UBND phường Hương Sơn	2.500
14.2	Các nhánh rẽ vào khu tập thể Nhà máy Cốc Hoá có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$, vào 150m	1.200
15	Rẽ theo đường sắt đi cầu Trần Quốc Bình: Vào 400m	800
16	Ngõ số 59 (đường trục phường Cam Giá)	
16.1	Vào 300m	1.200
16.2	Qua 300m đến ngã 3 đập Suối Cốc	900
16.3	Từ ngã 3 đập Suối Cốc đến kho HTXNN Tân Hương	700
16.4	Kho HTXNN Tân Hương qua chợ Cam Giá đến hết khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng	800
16.5	Giáp đất khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng gặp đê Cam giá	700
LVI	ĐƯỜNG HƯƠNG SƠN (Từ đường Lưu Nhân Chú đến Sông Cầu vào Soi Mít)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	2.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Qua 200m đến hết đất Trung tâm Giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	1.800
3	Từ hết đất trung tâm giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên đến cầu treo	1.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ đường Hương Sơn vào KDC đôi F, vào 200m	1.000
2	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào KDC đôi F có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 150m	900
LVII	ĐƯỜNG VÓ NGỰA (Từ Đảo tròn Gang thép đi huyện Phú Bình)	
1	Từ đảo tròn Gang thép đến rẽ công Trường THPT Gang thép	6.000
2	Từ rẽ Trường THPT Gang Thép đến ngã 3 gặp đường Tân Thành	4.000
3	Từ ngã 3 gặp đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành	3.000
4	Từ hết đất phường Tân Thành đến gặp đường Lương Sơn	2.000
5	Từ đường Lương Sơn đến hết đất Thành phố Thái Nguyên	1.500
	Trục phụ	
1	Từ đảo tròn Gang Thép rẽ sau khách sạn 5 tầng vào xóm Bình Dân	
1.1	Từ trục chính vào 100m	2.300
1.2	Qua 100m đến 200m	1.500
2	Rẽ Trường THPT Gang thép: Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
3	Rẽ vào khu tập thể 2 tầng bệnh viện Gang Thép cũ	
3.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến hết đường bê tông $\geq 3m$	2.000

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.3	Các nhánh khác trong KDC có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	1.200
4	Rẽ vào khu B Trung tâm giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	
4.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m đường bê tông $\geq 3m$	1.500
5	Các nhánh rẽ còn lại thuộc đoạn từ đảo tròn Gang Thép đến ngã ba đường Tân Thành vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
6	Ngõ vào KDC xóm II Ninh Hương (xã Lương Sơn) đến KDC phân viện Luyện kim đen (cũ) vào 200m	700
7	Rẽ đi khu miền Ninh Sơn (xã Lương Sơn), vào 200m	800
8	Rẽ đi xóm Cầu, vào 200m (xã Lương Sơn)	600
LVIII	ĐƯỜNG TÂN THÀNH (Từ đường vó ngựa đến gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa vào 150m (ngã 3 rẽ tổ 9,10, phường Tân Thành)	2.500
2	Cách đường Vó Ngựa 150m đến cổng Trường THCS Tân Thành	1.500
3	Từ cổng Trường THCS Tân Thành đến đường sắt Hà Thái	2.000
4	Từ đường sắt Hà Thái gặp đường 30/4	3.000
	Trục phụ	
1	Các nhánh rẽ từ đường Tân Thành, có đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	1.000
LIX	ĐƯỜNG LƯƠNG SƠN (Từ đường Vó Ngựa qua UBND xã Lương Sơn gặp đường 30/4)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ đường Vó Ngựa đến ngã ba rẽ xóm Ngân	700
2	Từ ngã ba rẽ xóm Ngân đến đường sắt Hà Thái	1.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường 30/4	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ xóm Pha, vào 200m	400
2	Rẽ đối diện Trạm Y tế xã Lương Sơn đi xóm Pha, vào 200m	400
3	Rẽ xóm Tân Trung: Vào đến trại chăn nuôi Hùng Chi	400
4	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Ngân, vào 200m	400
5	Rẽ đến cổng Trường Cao đẳng Luyện kim	2.000
6	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đi Trường Quân sự QKI	
6.1	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đến kênh Núi Cốc	800
6.2	Từ kênh Núi Cốc đến cổng Trường quân sự Quân khu I	700
7	Rẽ KDC xóm 5 Tân Sơn, vào 200 m	700
LX	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B (CŨ) (Từ cầu Gia Bẩy đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng)	
1	Từ cầu Gia Bẩy đến kiốt xăng doanh nghiệp Tiến Thịnh	6.000
2	Từ giáp đất kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Gia Bẩy vào 100m	2.500
1.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
2	Rẽ vào Đình Đồng Tâm vào 100m	2.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
3	Rẽ vào xóm Đồng Tâm (đối diện đường đi cầu treo cũ), vào 100m	2.500
4	Rẽ đi cầu treo cũ vào 100m	2.500
5	Rẽ đến nhà văn hoá xóm Đồng Tâm	2.500
6	Rẽ xóm Đông (2 nhánh đối diện kiốt Công ty xăng dầu Bắc Thái), vào 100m	2.500
7	Rẽ đi Bến Tượng	
7.1	Vào đến Trung tâm văn hoá xóm Đông	2.500
7.2	Từ Trung tâm văn hoá xóm Đông đến Bến tượng	2.000
8	Rẽ vào xóm Văn Thánh vào 200m	
8.1	Từ đường Quốc lộ 1B vào đến ngã tư thứ nhất KDC quy hoạch xóm Văn Thánh	3.000
8.2	Đoạn còn lại đến hết khu quy hoạch	2.000
9	Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Việt Cường vào KDC Ao Voi, vào 150m	2.000
10	Rẽ vào Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	
10.1	Từ Quốc lộ 1B đến Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	2.000
10.2	Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	1.800
11	Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần lâm sản Thái Nguyên, vào 150m	2.000
12	Rẽ theo hàng rào Công ty TNHH Thái Dương vào KDC Ao voi, vào 150m	1.800
LXI	QUỐC LỘ 1B (MỚI) (Đoạn nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B qua địa phận xã Cao Ngạn)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ Cầu Cao Ngạn đến rẽ xóm Quyết Thắng	2.500
	Trục phụ	
1	Rẽ đi xóm Góc Vôi	
1.1	Từ đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, vào 150m	1.000
1.2	Qua 150m đến ngã 3 Góc Vôi	600
1.3	Từ ngã 3 Góc Vôi đến cầu cáp Cao Ngạn (hết đường bê tông)	500
1.4	Từ ngã 3 Góc Vôi đến hết đất Tiểu đoàn 23 Quân khu I	500
2	Rẽ qua xóm Thành Công gặp ngã tư đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	800
3	Các nhánh rẽ còn lại có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 150 m	500
LXII	ĐƯỜNG ĐỒNG BẮM (Từ đường Quốc lộ 1B (cũ) qua sân bay gặp đường 259)	
1	Từ trạm biến áp treo thị trấn Chùa Hang đến trạm y tế xã Đồng Bầm	2.500
2	Từ trạm y tế xã Đồng Bầm đến ngã 4 Tân Thành 2	2.000
3	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến gặp đường 259 (đến hết đất Đồng Bầm)	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Trường Mầm non Đồng Bầm đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	2.000
2	Các ngõ rẽ đi Nhà máy Nước Đồng Bầm có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
2.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	1.200
3	Rẽ theo hàng rào Trạm Y tế xã Đồng Bầm đi sân bay và đi thị trấn Chùa Hang vào 100 m về 2 phía	1.500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đi bến phà Văn Thánh, vào 150m	1.500
5	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến Nhà văn hoá Tân Thành 2	1.500
6	Các nhánh rẽ còn lại trên trục phụ (đoạn từ ngã tư Tân Thành 2 đến gặp đường 259) có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LXIVII	TRỤC ĐƯỜNG: Đảo tròn Núi Voi đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	
1	Từ giáp đất thị trấn Chùa Hang đến cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I	1.800
2	Từ cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I đến hết cổng Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn	1.200
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Lộc vào 150m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
2	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Thành, vào 150m (đường đất)	600
3	Rẽ đi UBND xã Cao Ngạn đến hết đất Trường tiểu học Cao Ngạn	800
4	Từ hết đất Trường tiểu học Cao Ngạn đến Nhà văn hóa xóm CỎ RỪA	600
5	Từ Nhà văn hóa xóm CỎ RỪA đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	800

II. Trường hợp các vị trí đất ở tại đô thị thành phố Thái Nguyên chưa được kể trên, giá đất không áp dụng được theo hướng dẫn tại Điểm 2 Mục II phần B Hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất, thì giá đất được áp dụng theo bảng sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

VỊ TRÍ	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
4A	1.500	1.200	800
4B	1.200	1.000	600
4C	1.000	900	400

Bảng giá đất năm 2014 thành phố Thái Nguyên

Nhóm 1: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung.

Nhóm 2: Gồm các phường Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán.

Nhóm 3: Gồm các phường còn lại.

*** Xác định vị trí đất trong đô thị thành phố Thái Nguyên:**

Vị trí đất trong đô thị thành phố Thái Nguyên được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách so với trục giao thông. Các vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi:

a) Vị trí 1: Các ô, thửa đất có ít nhất một mặt bám theo mặt tiền của các đường phố, trục giao thông; có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào không quá 30m.

b) Vị trí 2: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1 +150m;

- Các ô, thửa đất bám theo trục phụ có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m.

c) Vị trí 3: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp theo vị trí 2 + 250m, bám theo trục phụ của các đường chính có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m;

- Các ô, thửa đất ở sau vị trí 1, có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m, cách lộ giới đường chính không quá 150m;

- Nhánh của Vị trí 2, có đường vào lớn hơn 6m, vào không quá 100m.

d) Vị trí 4: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp sau vị trí 3 có ít nhất một mặt bám theo trục phụ của các đường chính có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 6m;

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1, từ đường chính vào có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m, cách lộ giới đường chính hiện tại không quá 100m;

- Nhánh của vị trí 2, đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5 m từ trục phụ vào không quá 100m;

Các vị trí kể trên, thuộc đô thị nếu gần đường phố nào thì tính theo đường phố đó.

đ) Vị trí 4A:

- Ở sau vị trí 4, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Vị trí đất không liền kề vị trí 1 của đường phố đã có tên trong bảng giá vào không quá 100m, có mặt đường từ 2,0m đến nhỏ hơn 3,5m.

e) Vị trí 4B:

- Nhánh của vị trí 4A, có đường rộng từ 3,5 trở lên;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m có mặt đường rộng từ 1,5m đến 2m.

g) **Vị trí 4C:** Là vị trí không đủ điều kiện như trên;

III. Trường hợp đất ở nông thôn ngoài các trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ	
	Vùng trung du	Vùng miền núi khu vực I
Loại 1	400	350
Loại 2	350	300
Loại 3	300	250
Loại 4	250	200

PHÂN LOẠI ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đất ở nông thôn thành phố Thái Nguyên: Là đất ở tại các xã trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Phân loại đất ở nông thôn: căn cứ vào các yếu tố: khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 5m;

Bảng giá đất năm 2014 thành phố Thái Nguyên

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) lớn hơn hoặc bằng 3,0m;

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 5,0 m lớn hơn hoặc bằng 4 m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 3,0m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5m;

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 4,0 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3 m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 2,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

PHỤ LỤC SỐ 02**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ XÃ SÔNG CÔNG NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu dân cư, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	QUỐC LỘ 3	
A	Trục chính	
1	Từ Km 45/H9+50m (Giáp đất Phở Yên) đến Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	3.800
2	Từ Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1) đến Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ)	3.800
3	Từ Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ) đến Km 47+26m (Đường rẽ phía Bắc TDP 2A)	4.500
4	Từ Km 47+26m (Đường rẽ phía Bắc Tổ dân phố 2A) đến Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công)	4.100
5	Từ Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công) đến Km 48/H2-20m (Cầu Quyền)	3.800
6	Từ Km 48/H2-20m (Cầu Quyền) đến Km 48/H6-40m (Cầu Lu)	4.200
7	Từ Km 48/H6-40m (Cầu Lu) đến Km 49/H9-20m (Cầu Béo)	3.800
8	Từ Km 49/H9-20m (Cầu Béo) đến Km 51/H8+50m (Giáp đất Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên)	4.000
9	Từ Km 54/H9-70m (Đối diện cổng nhà xưởng HTX Toàn Diện) đến Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành)	3.000
10	Từ Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành) đến Km 56/H2 (Giáp đất thành phố Thái Nguyên)	3.500
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Phố Cò	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Km 46+30m (Đường rẽ vào đồi tên lửa) đến hết đất thị xã Sông Công (Giáp đất xã Đắc Sơn)	1.100
2	Km 46/H3+65m (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	
2.1	- Vào 50m	1.150
2.2	- Từ sau 50m đến 150m	950
3	Km 46/H7 (Đường rẽ vào tổng kho 3 cũ)	
3.1	- Vào 100m	1.400
3.2	- Từ sau 100m đến 170m	1.200
3.3	- Từ sau 170m đến hết các đường quy hoạch mới của khu dân cư tổ dân phố 2B	1.000
4	Km 46/H5 (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 3)	
4.1	- Vào 100m	1.200
4.2	- Từ sau 100m đến cổng sau chợ Phố Cò	950
4.3	- Từ sau 100m đến hết đất đền Thanh Lâm	850
4.4	- Từ hết đất đền Thanh Lâm đến hết đất trường Đảng cũ	900
5	Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổ dân phố 2B) - Giáp đất UBND phường Phố Cò	
5.1	- Vào 180m	1.400
5.2	- Từ sau 180m đi tiếp 150m	1.050
6	Km 47+20m (Đường rẽ phía nam vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	1.400
7	Km 47+200m (Đường rẽ phía bắc vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	1.250
8	Đường rẽ vào Trường THCS Thắng Lợi đến hết đất trường Mầm non số 2	1.400
*	Phường Cải Đan	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Km 47/H5-10m (Đường rẽ Tổ dân phố Ao Ngo) đến 150m	1.150
10	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyễn Gon) đến kênh N12-10	1.300
11	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyễn Quán) đến 100m	1.150
12	Km 48/H4 (Đường rẽ tổ dân phố Nguyễn Bẩy)	
12.1	- Vào 150m	1.750
12.2	- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá	1.500
13	Km 48/H6+40m (Đường rẽ vào phân hiệu trường dân lập Lương Thế Vinh) đến 150m	1.050
14	Km 48/H9-15m (Đường rẽ vào chùa Cải Đan) đến 150m	1.050
15	Km 48/H7+40m (Đường rẽ nhà ông Canh) đến 100m	1.050
16	Km 49-20m (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới)	
16.1	Vào đến nhà văn hóa tổ dân phố Phố Mới	1.150
16.2	- Từ sau nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới đến 100m	950
16.3	- Từ sau 100m đến 200m	750
17	Km 49/H6+30m (Đường rẽ tổ dân phố Nguyễn Giả đến hết đất nhà máy Việt Trung)	1.300
18	Đường rẽ cạnh Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Đại Minh đến hết đất của Nhà máy	1.500
19	Km49/H5 (đường rẽ vào lô 2 sau khu dân cư Khuynh Thạch) đến 100m	950
20	Km 49/H7 (Đường Tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Long Tiến) đến 100m	1.050
21	Km 50/H1-20m (Đường rẽ tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Bộ) đến 100m	1.050
*	Phường Bách Quang	
22	Km 50/H1+50m (Đường Dọc Dài - Cầu Gáo - Mỏ Chè)	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
22.1	- Vào 50m	950
22.2	- Từ sau 50m đến 150m	850
22.3	- Từ sau 150m đến 250m	750
23	Km 50/H3+80m (Đường rẽ nhà văn hoá Tân Dương - Nhánh vào nhà ông Châu)	
23.1	- Vào 50m	900
23.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
23.3	- Từ sau 150m đến 300m	700
24	Km 50/H4+60m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương cạnh nhà bà Năm)	
24.1	- Vào 50m	850
24.2	- Từ sau 50m đến 100m	700
25	Km 51/H2+20m (Đường đi xóm Mãn Chiêm cạnh nhà bà Thìn đến hết khu dân cư quy hoạch mới) vào 100m	900
26	Km 51/H3+10m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương 2 - cạnh nhà bà Tuyên)	
26.1	- Vào 100m	900
26.2	- Từ sau 100m đến 200m	700
*	<i>Xã Tân Quang</i>	
27	Km 54/H8+50m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Sơn vào bờ kênh)	
27.1	- Vào 50m	750
27.2	- Từ sau 50m đến 150m	600
28	Km 55+30m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Muôn vào bờ kênh)	
28.1	- Vào 50m	750

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
28.2	- Từ sau 50m đến 150m	600
29	Km 55/H1+40m (Đường bê tông Tân Thành 2 cạnh nhà ông Hùng đến hết đường bê tông)	
29.1	- Vào 50m	750
29.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
30	Km55/H2+20m (đường bê tông cạnh nhà ông Hùng đến hết đường bê tông)	
30.1	- Vào 50m	700
30.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
31	Km 55/H4 (Đường Tân Thành 2 từ Quốc lộ 3 vào nhà ông Diễm)	
31.1	- Vào 50m	800
31.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	650
32	Km 55/H5+60m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Khanh vào nhà ông Vinh)	
32.1	- Vào 50m	800
32.2	- Từ sau 50m đến 150m	700
32.3	- Từ sau 150m đến 220m	600
33	Km 55/H7+80m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Xuân vào nhà bà Hồng)	
33.1	- Vào 50m	800
33.2	- Từ sau 50m đến 150m	650
34	Km 55/H9+80m (Đường Quốc lộ 3 vào xóm Tân Tiến)	
34.1	- Vào 50m	1.750
34.2	- Từ sau 50m đến mương thoát nước	1.400
34.3	- Từ sau mương thoát nước đến hết đất khu TĐC Tân Tiến	1.200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
34.4	- Từ hết đất khu TĐC Tân Tiến đến đường gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	750
II	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Phố Cò đến đường rẽ Xây lắp 3	5.000
2	Từ đường rẽ Xây lắp 3 đến đường rẽ Tổ dân phố Tân Huyện	4.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến đường rẽ TDP Nguyên Gon	4.000
4	Từ đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon đến đường rẽ trường tiểu học Phố Cò	3.900
5	Từ đường rẽ trường tiểu học Phố Cò đến đường rẽ khu dân cư 3,5 ha	5.600
6	Từ đường rẽ khu dân cư 3,5 ha đến cầu Ghênh	4.650
7	Từ cầu Ghênh đến đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã)	5.000
8	Từ đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã) đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Lập	5.800
9	Từ đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập đến tường rào phía nam Bưu điện	7.200
10	Từ tường rào phía nam Bưu điện đến ngã ba Mỏ Chè	9.500
11	Từ ngã ba Mỏ Chè đến tường rào phía nam Trường Hướng nghiệp dạy nghề	12.000
12	Từ tường rào phía nam trường Hướng nghiệp dạy nghề đến hết đất Ngân hàng chính sách	8.900
13	Từ giáp đất Ngân hàng chính sách đến ngã ba Bãi Đổ	7.200
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ TDP 2 (cạnh nhà ông Thêm) đến 100m - Ngõ số 4	2.650

Bảng giá đất năm 2014 thị xã Sông Công

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Đường rẽ TDP 3 (cạnh nhà ông Hoàn) đến 100m - Ngõ số 6	2.450
3	Đường rẽ TDP 3 đối diện Ngân hàng chính sách (đường rẽ cạnh nhà Chính Loan) đến 150m - Ngõ số 8	2.550
4	Đường rẽ vào trường Mầm non tư thục (đường rẽ cạnh nhà bà Bình) đến 100m - Ngõ số 10	2.750
5	Đường rẽ đối diện Trường Hướng nghiệp dạy nghề (Đường rẽ cạnh nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Hưng Vân) – Ngõ số 12	2.750
6	Đường rẽ từ chợ Mỏ Chè đi Trường tiểu học Mỏ Chè (Từ đường CMT8 đến Trường tiểu học Mỏ Chè) - Ngõ số 14	
6.1	- Từ sau lô 1 đến hết đất khu dân cư quy hoạch tổ 4, 5	3.350
6.2	Các đường phân lô khác thuộc quy hoạch khu dân cư tổ 4, 5 (lô 2)	1.700
6.3	- Từ hết khu dân cư tổ 4, 5 đến 200m	2.000
6.4	- Từ sau 200m đến giáp nhà văn hoá An Châu 2	1.350
6.5	- Từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp lô 1 đường Góc Đa	1.700
*	Các đường nhánh quy hoạch mới của đoạn từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp đất lô 1 đường Góc Đa	1.250
7	Ngõ phía bắc Ngân hàng Công thương - Ngõ số 18	4.500
8	Ngõ phía bắc chợ Trung tâm (từ đất nhà ông Thận đến hết đất nhà ông Kỳ) - Ngõ số 7	2.650
9	Đường rẽ đi nhà văn hoá xóm Đồi đến đường Thanh Niên - Ngõ số 3	2.000
10	Các đường phân khu còn lại của khu tập thể XN xây lắp 3 cũ (Tổ dân phố 4)	1.500
11	Đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố 1 (đường rẽ phía nam Ngân hàng chính sách) đến hết đất nhà văn hóa - Ngõ số 5	2.250
*	<i>Bên phường Thắng Lợi</i>	
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập - Ngõ số 22	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
12.1	- Vào 100m	2.250
12.2	- Từ sau 100m đến 300m	1.800
13	Đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (Đối diện Đài tưởng niệm thị xã) - Ngõ số 24	
13.1	- Vào đến đường 30-4	2.500
13.2	- Từ đường 30-4 đi tiếp 300m	1.450
13.3	- Từ sau 300m đến NVH TDP Du Tân	1.000
13.3a	- Đường 30-4: Đoạn từ tường rào phía bắc khu VHTT đến lối rẽ vào Công ty môi trường đô thị Sông Công	1.700
13.3b	Từ lối rẽ vào Công ty môi trường đô thị Sông Công đến ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện)	1.300
13.3c	Từ ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện) đến ngã ba thứ hai (đất ông Sinh)	900
14	Đường rẽ vào trụ sở Thị ủy, UBND thị xã Sông Công đến khu văn hóa thể thao thị xã	2.250
15	Đường rẽ phía bắc nhà văn hóa Tổ dân phố 12 (Đường vào nhà ông Sinh) - Ngõ số 26	
15.1	- Vào 100m	1.350
15.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
16	Đường rẽ vào tổ dân phố 12 (Đối diện nhà văn hoá Xuân Miếu 2) - Ngõ số 28	
16.1	- Vào 100m	1.350
16.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
17	Đường rẽ vào TDP 12 (phía bắc) - Ngõ số 30	
17.1	- Vào 100m	1.350
17.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
18	Đường rẽ vào khu 3,5 ha - Ngõ số 36	

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
18.1	- Vào 180m	2.700
18.2	- Từ sau 180m đến 380m	2.250
18.3a	- Từ sau 380m đến cách tường rào phía đông Trường Cao đẳng Việt Đức 40m	1.900
18.3b	- Từ sau 380m đến hết đất khu dân cư tổ 13	1.350
19	Đường rẽ tổ dân phố 10 (giáp Thị đội Sông Công) đến hết đất Thị đội Sông Công - Ngõ số 17	1.150
20	Đường rẽ vào xóm Mỏ Chè (Giáp Chi cục thuế cũ) - Ngõ số 9	
20.1	- Đến hết đất Bưu điện cũ	2.750
20.2	- Từ giáp đất Bưu điện cũ đến đường rẽ cạnh Toà án thị xã (giáp đất lô 1 đường CMT8)	2.250
21	Các đường phân lô theo quy hoạch khu dân cư Tân Lập (tổ 10)	2.750
*	<i>Bên phường Cải Đan</i>	
22	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (đối diện đường vào UBND thị xã) - Ngõ số 21	
22.1	- Vào 100m	1.700
22.2	- Từ sau 100m đến 250m	1.350
23	Đường rẽ vào Nhà ông Quyên đến 100m - Ngõ 23	1.250
24	Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Miếu 2 - Ngõ số 25 vào 150m	1.350
25	Đường rẽ vào nhà văn hoá Xuân Miếu 1 đến hết đất nhà văn hoá- Ngõ số 27	1.350
26	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (Đường rẽ vào nhà ông Đồng) - Ngõ số 29	
26.1	- Vào 100m	1.350
26.2	- Sau 100m đến 200m	1.150
27	Đường rẽ cạnh nhà ông Nho Tản (Đối diện đường vào khu 3,5ha) - Ngõ số 31 vào 150m	1.000

Bảng giá đất năm 2014 thị xã Sông Công

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
28	Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Thành đến 100m - Ngõ số 39	1.550
29	Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyễn Gon - Ngõ số 41	
29.1	- Vào 100m	1.250
29.2	- Từ sau 100m đến 150m	1.150
30	Đường rẽ cạnh nhà ông Thắng đến 100m - Ngõ số 43	1.000
31	Đường bờ mương Núi Cốc vào 150m - Ngõ số 45	900
*	<i>Bên phường Phố Cò</i>	
32	Từ đường rẽ cạnh nhà Hương Tài đến hết đường bê tông - Ngõ số 38	
32.1	- Vào 100m	1.450
32.2	- Từ sau 100m đến hết đường bê tông	1.000
33	Đường rẽ cạnh Trạm y tế Phường Phố Cò cũ đến hết đất nhà ông Lợi Vượng - Ngõ số 40	
33.1	- Vào 100m	1.350
33.2	- Từ sau 100m đến nhà ông Lợi	950
34	Đường rẽ tổ dân phố Thanh Xuân 1 đến hết đất Trường tiểu học Phố Cò- Ngõ số 42	
34.1	- Vào 100m	1.550
34.2	- Từ sau 100m đến hết đất trường Tiểu học Phố Cò	1.250
35	Đường rẽ vào trại chăn nuôi Thắng Lợi đến cổng trại- Ngõ số 46	1.150
36	Đường rẽ vào nhà văn hóa Tổ dân phố Thanh Xuân 2 đến hết đất nhà văn hóa- Ngõ số 48	900
37	Đường bờ kênh Núi Cốc- Ngõ số 50	
37.1	Vào 150m	900
37.2	Từ sau 150m đi tiếp 250m	750

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
38	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện- Ngõ số 52	
38.1	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến nương núi Cốc	1.350
38.2	Từ nương Núi Cốc đến đường rẽ NVH Tân Huyện	800
38.3	Từ đường rẽ NVH Tân Huyện vào 500m	700
39	Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố 4A đến 100m- Ngõ số 54	1.150
40	Đường bê tông đi vào Xí nghiệp 1/5 (C.Ty CP kết cấu thép Hà Nội)- Ngõ số 56	
40.1	- Từ đường đường cách mạng tháng 8 đến ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3	1.900
40.2	- Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến nương núi Cốc	1.250
40.3	- Từ nương Núi Cốc đến hết đất Nhà văn hóa tổ dân phố 5	800
41	- Từ cổng Xí nghiệp 1/5 (Công ty CP kết cấu thép Hà Nội) đến cổng sau chợ Phố Cò	1.150
42	- Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến hết đất nhà bà Phượng (Tổ dân phố 4A)	1.000
43	Đường rẽ vào trường THCS Thăng Lợi- Ngõ số 47	
43.1	Vào đến 100 m	1.250
43.2	Qua 100 m đến Trường Mầm non số 2	1.150
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 10	
A	Trục chính	
1	Đoạn từ Cầu vượt Sông Công đến kênh thoát nước An Châu	2.750
2	Từ kênh thoát nước An Châu đến đường rẽ 262	2.900
3	Từ đường rẽ 262 đến đường Thanh Niên	4.250
4	Từ đường Thanh Niên đến đường rẽ Tổ dân phố Đồi	3.550
5	Từ đường rẽ tổ dân phố Đồi đến đường rẽ tổ dân phố La Đình (cạnh nhà ông Chung)	3.450

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Từ đường rẽ tổ dân phố La Đình (cạnh nhà ông Chung) đến đường Quốc lộ 3	3.350
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	<i>Bên phường Lương Châu</i>	
1	Đường rẽ từ Cổng Nhà máy nước đến đường Ko	1.350
2	Đường rẽ tường rào phía Tây nhà máy Diesel đến hết tường rào	1.150
3	Đường phía Đông hàng rào nhà máy Diesel đến kênh dẫn nước	1.150
4	Đường vào khu dân cư Ban kiến thiết đến kênh núi Cốc	1.350
*	<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
5	Đường rẽ khu dân cư Làng May - Tổ dân phố 6	
5.1	Vào đến 100m	1.500
5.2	Các đường còn lại của KDC Làng May	900
6	Đường rẽ chợ Bãi Đổ đi Đài tưởng niệm Mỏ Chè đến 200m	2.100
*	<i>Bên phường Bách Quang</i>	
7	Đường Thanh Niên- Ngõ số 25	
7.1	- Vào 100m	1.350
7.2	- Từ sau 100m đến nhà văn hoá tổ dân phố Đồi	900
8	Đường rẽ vào nhà văn hóa tổ dân phố Làng Sắn (vào đến nhà văn hóa)	900
9	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía nam) dọc kênh N12-56- Ngõ số 21	
9.1	- Vào 50m	900
9.2	- Từ sau 50m đến nhà văn hóa tổ dân phố Đồi	700
10	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía bắc) dọc kênh N12-56 (đi Làng Sắn) - Ngõ số 22	
10.1	- Vào 50m	1.150

Bảng giá đất năm 2014 thị xã Sông Công

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
10.3	- Từ sau 150m đến 250m	700
11	Đường vào tổ dân phố La Đình về 2 phía (Nam - Bắc) - (Ngõ số 17-18)	
11.1	- Vào 50m	1.250
11.2	- Sau 50m đến 150m	900
12	Đường vào nhà văn hóa tổ dân phố La Đình (Khu dân cư Tái định cư La Đình) - Ngõ số 15	
12.1	- Từ đường CMT10 rẽ vào hết khu dân cư (Trục dọc)	1.550
12.2	- Song song với đường CMT10 (Trục ngang)	1.350
13	Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố Cầu Gáo-Ngõ số 7	
13.1	- Vào 50m	950
13.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
13.3	- Từ sau 100m đến 300m	700
14	Đường bê tông đi tổ dân phố Cầu Gáo (giáp khu công nghiệp Sông Công 1) - Ngõ số 5	
14.1	- Vào 50m	950
14.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
14.3	- Từ sau 100m đến 300m	700
15	Đường vào tổ dân phố Làng Mới (Cạnh nhà ông Sen)	
15.1	- Vào 50m	900
15.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
15.3	- Từ sau 150m đến 300m	650
16	Đường vào tổ dân phố Dọc Dài (cạnh Công ty May) - Ngõ số 3	
16.1	- Vào 50m	900

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
16.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
17	Đường Làng Mới - Chương Lương – Quang Minh - Khu Yên	
17.1	- Vào 50m	900
17.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
17.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
18	Đường rẽ cạnh nhà ông Tráng đi nhà văn hoá tổ dân phố Chương Lương	
18.1	- Vào 50m	900
18.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
18.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
18.4	- Từ sau 300m đến 500m	600
19	Đường liên xã Bách Quang- Tân Quang	
*	<i>Địa phận Phường Bách Quang:</i>	
19.1	- Từ đường CMT10 đến đường rẽ vào UBND phường Bách Quang	2.500
19.2	- Từ đường rẽ vào UBND phường Bách Quang đến đường rẽ trường THCS Bách Quang	1.700
19.3	- Từ đường rẽ trường THCS Bách Quang đến trạm biến áp Bách Quang 2 (hết đất TDP Khu Yên)	1.300
*	<i>Địa phận xã Tân Quang:</i>	
19.4	Từ hết đất TDP Khu Yên đến ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên)	1.000
19.5	- Từ ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên) đến đường Gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	900
19.6	- Từ nhà ông Lập Sỹ đến cầu Đá Rùa	600
19.7	- Từ cầu Đá Rùa đến giáp đất Bãi Rác	500

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
IV	ĐƯỜNG THẮNG LỢI	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Mỏ Chè đến hết đất UBND phường Mỏ Chè	9.000
2	Từ hết đất UBND phường Mỏ Chè đến đường rẽ TDP An Châu	5.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố An Châu đến hết đất nhà tầng số 8	4.650
4	Từ giáp đất nhà tầng số 8 đến đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfà	5.550
5	Từ đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfà đến ngã ba đường rẽ Ko	3.350
6	Từ ngã ba đường rẽ Ko đến đầu cầu treo Sông Công	2.000
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	<i>Bên phường Thắng Lợi</i>	
1	Đường rẽ từ ngã ba Mỏ Chè vào trường Lý Tự Trọng - Ngõ số 20	
1.1	- Vào 150m	2.450
1.2	- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ	2.000
1.3	- Từ giáp đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ đến giáp đường rẽ phía đông Trường cấp 3 đi bến Vượng	2.100
1.4	- Từ ngã ba (đường rẽ đối diện nhà ông Đình) đến đường rẽ vào khu Văn hóa Thể thao	1.450
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 8,9 đến đường đi Nhà văn hóa Khối phố 3 cũ - Ngõ số 5	1.700
3	Đường rẽ cạnh Trường cấp 3 đi bến Vượng - Ngõ số 7	
3.1	- Từ sau lô 1 đến ngã ba (cạnh nhà ông Long)	2.250
3.2a	- Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi Tổ dân phố bến Vượng đến hết đất nhà ông Trung Phúc	1.700
3.3a	- Từ hết đất nhà ông Trung Phúc đến phía đông Đập Vai Xanh	1.150

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.2b	- Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi TDP Du Tán vào đến hết đất nhà ông Trung Thêu	1.350
3.3b	- Từ giáp đất nhà ông Trung Thêu đến Ngã ba đường đi NVH Tổ dân phố Du Tán	1.000
4	Đường rẽ khu dân cư đồi Yên ngựa (phía đông trụ sở phường Thăng Lợi cũ) - Ngõ số 15	
4.1	- Vào đến 200m	2.250
4.2	- Các nhánh của trục phụ đường rẽ KDC đồi Yên Ngựa vào 100m	1.550
5	Đường rẽ cạnh Trụ sở Công An phường Thăng Lợi (Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố 4) - Ngõ số 17	
5.1	- Vào 100m	2.250
5.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.700
5.3	- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	1.350
5.4	- Các nhánh của trục phụ đường rẽ cạnh Trụ sở Công an phường vào 100m	1.350
6	Đường rẽ phía Tây chợ phường Thăng Lợi - Ngõ số 25	
6.1	- Vào đến hết chợ Thăng Lợi	3.350
6.2	- Từ sau chợ Thăng Lợi rẽ về 2 đường nhánh đến 100m	2.450
7	Đường rẽ phía tây của nhà văn hóa khối phố 1 cũ vào 100m - Ngõ số 27	1.450
8	Đường rẽ phía Đông chợ Thăng Lợi (cạnh nhà Mai Minh) vào 100m	2.500
9	Đường rẽ vào tổ dân phố Vượng - Ngõ số 35	
9.1	- Vào 100m	2.250
9.2	- Từ sau 100m đến 300m	1.700
10	Đường đi núi Tảo vào đến 200m - Ngõ số 43	1.150

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
11	Đường rẽ vào ngõ số 45, vào 100m	1.000
12	Đường rẽ vào ngõ số 49, vào 100m	1.000
*	<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
13	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 1 đến 100m (Cạnh nhà ông Hòa Huấn) - Ngõ số 10	1.350
14	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 2 đến 150m (Cạnh nhà bà Bích) - Ngõ số 12	1.350
15	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 3 đến 200m (Cạnh nhà ông Lâm) - Ngõ số 14	1.350
16	Đường góc đa (từ đường Thăng Lợi đến giáp lô 1 đường CMT10) - Ngõ số 16	2.000
17	Đường rẽ tổ dân phố 7 (Từ đường rẽ nhà ông Hào đến hết đất nhà bà Biên Ước) - Ngõ số 18	1.700
18	Đường rẽ vào trường Mầm non số 1 đến hết đất trường Mầm non số 1 - Ngõ số 20	1.700
19	Đường rẽ phía tây nhà tầng số 8 đến 200m - Ngõ số 22	1.700
20	Đường rẽ theo tường rào phía tây Công ty MANI - Ngõ số 28	
20.1	- Vào 100m	1.550
20.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.250
V	ĐƯỜNG 3/2 (TOÀN TUYẾN)	
A	Trục chính - toàn tuyến	4.250
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
1	Đường rẽ phía bắc nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.350
2	Đường rẽ phía nam nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.450
3	Đường rẽ phía nam nhà ông Thắng (Thanh) đến 100m	1.250
4	Đường rẽ cạnh nhà ông Lưu (Tâng) đến 100m	1.150

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
VI	ĐƯỜNG K0	
A	Trục chính	
1	Từ đường Thắng Lợi đến đường CMT10	2.000
2	Từ đường CMT10 đến giáp đất Bá Xuyên	1.600
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 1 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Đắc) đến 130m	1.000
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 2 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Ngô Trí Nguyên) đến 60m	1.000
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 3 (Đường rẽ phía Nam nhà bà Lý Khôi) đến 130m	1.000
4	Đường đi bến Bùn đến bờ sông	1.000
VII	ĐƯỜNG 262 ĐI THỊNH ĐỨC	
A	Trục chính:	
1	Từ Km11/H2+35 (Chợ Góc tre) đến hết đất UBND phường Lương Châu	2.750
2	Từ hết đất UBND phường Lương Châu đến Km8+H9 (Cầu Khoang)	1.700
3	Từ Km8+H9 (Cầu Khoang) đến Km9+90 (Kênh N12 -56)	1.150
4	Từ Km8+H9 (kênh N12-56) đến Km7+400 (cầu La Giang)	1.000
5	Từ Km7+400 (Cầu La Giang) đến Km5+H5 (giáp đất Thịnh Đức)	800
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Lương Châu	
1.1	Trạm y tế phường Lương Châu đến ngã tư TDP 4	1.150

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.2	Từ ngã tư TDP 4 đến giáp đất TTVH phường Lương Châu	1.000
1.3	Từ TT Văn hoá phường vào 300m (giáp đất nhà ông Tuấn)	900
1.4	Từ sau 300m (giáp đất nhà ông Tuấn) đến cầu Đấp	800
1.5	Từ cầu Đấp đến đường Ko	750
2	Đường vào đồi Giếng Rán đến hết đất nhà bà Thu Thi	900
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 3 đến đất khu Ao Đầm	
3.1	Vào 100m	700
3.2	Từ sau 100m đến đất khu Ao Đầm	600
*	Xã Bá Xuyên	
4	Km9/H5+30 (Đi La Cảnh 1)	
4.1	- Vào 100m	550
4.2	- Sau 100m đến 560m (Ngã ba Ngàn Mây)	500
5	Km9/H2+70 (Đi xóm Chùa) vào 100m	550
6	Km9/H2+60 (Đi xóm Đór, đi La Đàng) vào 100m	550
7	Km8+H7/30 (Đi Na Chùa)	
7.1	- Vào 200m	550
7.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá Na Chùa	500
8	Km6/H1+50 (Đi xóm Chũng Na -Nhà văn hoá)	
8.1	- Vào 300m	500
8.2	- Từ sau 300m đến hết đường bê tông	450
9	Km6+00 (Đi Ao Cang) (từ nhà ông BỂ đến nhà ông Đức) vào 100m	500
10	Km7/H6+40 (Đi xóm La Giang) vào 100m	500
11	Km6/H3+10 qua Nghiêm đi Lý Nhân vào 100m	400

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
12	Km9/H5+30 (Xứ Đào đi xóm Chùa) (Đường Bàu)	
12.1	- Vào 200m	550
12.2	- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	500
13	Km9+90 (Đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát)	
13.1	- Vào 200m	600
13.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá xóm Bãi Hát	550
14	Km8/H3+50 (Đường rẽ phía bắc đi xóm Bãi Hát)	
14.1	- Vào 200m	550
14.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá	500
15	Đường Thịnh Đức đi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi (từ hết đất thành phố Thái Nguyên đến đập tràn)	600
VIII	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (ĐƯỜNG QL3 ĐI 209)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến qua Ngã tư Xuân Thành 100m	5.550
2	Qua ngã tư Xuân Thành 100m đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Mới	4.200
3	Từ đường rẽ vào TDP Tân Mới đến cổng Trung đoàn 209	4.450
4	Từ cổng Trung đoàn 209 mới đến cầu Thống Nhất (đường đất)	1.700
5	Từ cầu Thống Nhất đến đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của trường CD Việt Đức (đường đất)	1.200
6	Từ đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của trường CD Việt Đức đến bờ sông (đường đất)	1.150
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Phố Cò	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Mới - Ngõ số 15	
1.1	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Mới đến ngã ba đầu tiên	1.250
1.1a	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Bình	800

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.1b	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Ngữ	900
1.1.1	Đường chia lô (lô 2, lô 3) - KDC cổng Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	3.500
1.2b	Từ hết đất nhà ông Ngữ đến đường rẽ Tiểu đoàn 9 - E 209	800
2	Đường rẽ vào tổ dân phố Thành Ứng, vào 250m	750
3	Đường rẽ vào Trung tâm sát hạch lái xe Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, vào 250m	700
*	<i>Bên phường Cải Đan</i>	
4	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo đến hết khu dân cư mới (Gần trường Tiểu học Cải Đan) - Ngõ số 4	2.250
5	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo vào khu ông Măng 50m - Ngõ số 6	1.150
6	Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Gon - Ngõ số 1	
6.1	Vào đến hết KDC quy hoạch	2.250
6.2	Từ hết KDC quy hoạch vào đến kênh Núi Cốc	2.000
7	Đường rẽ cạnh Ngân hàng Đầu tư - Ngõ số 9 vào 80m	2.250
*	<i>Bên phường ThẮng Lợi</i>	
8	Đường rẽ vào tổ dân phố Hợp Thành vào 100m - Ngõ số 14	1.700
9	Đường rẽ vào Trường Mầm non Việt Đức, vào 200m	2.000
10	Đường rẽ phía đông Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đến giáp đất ông Hòa - Ngõ số 18	3.000
11	Đường rẽ phía tây Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức vào 150m - Ngõ số 20	1.700
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Ứng (cạnh nhà ông Ca) - Ngõ số 22	
12.1	Vào 70m	1.700
12.2	Từ sau 70m đến 200m	1.150

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
12.3	Từ sau 200m đến giáp đất nhà ông Sinh	900
13	Đường rẽ (Cạnh nhà ông Vụ) đi tổ dân phố Bến Vượng đến Cầu Ung	800
14	Đường rẽ phía Đông Nhà văn hóa tổ dân phố Kè, vào 300m	750
IX	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ VINH SƠN	
1	Đường trung tâm xã Vinh Sơn đi cầu treo Sông Công	
1.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	800
1.2	- Từ cách ngã tư 100m đến 250m	650
1.3	- Từ cách ngã tư 250m đến cầu treo Sông Công	550
2	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi xã Bình Sơn	
2.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến hết núi Măn	900
2.2	- Từ hết núi Măn đến đường rẽ nhà văn hoá Bồ Lỡ	800
2.3	- Từ đường rẽ nhà văn hoá Bồ Lỡ đến giáp đất xã Bình Sơn	750
3	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi hồ Núc Nác	
3.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	800
3.2	- Từ cách ngã tư 100m đến 150m	700
3.3	- Từ cách ngã tư 150m đến cầu Tân Sơn	600
4	Trục đường Vinh Sơn - Thu Quang - Minh Đức	
4.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 150m	800
4.2	- Từ 150m đi tiếp 250m	700
5	Đường từ cầu cứng đến Ngã 3 núi Măn	1.500
X	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ BÌNH SƠN	
1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi UBND xã Vinh Sơn	
1.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn + 200m	1.700

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.2	-Từ sau 200m đến 300m	1.350
1.3	-Từ sau 300m đến 400m	1.150
1.4	- Từ sau 400m đến giáp đất xã Vinh Sơn	800
2	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Ghềnh Chè, Linh Sơn	
2.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến 200m	1.700
2.2	- Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Linh Sơn đến hết KDC quy hoạch	1.350
2.3	Các đường nhánh trong KDC quy hoạch	1.250
2.4	- Từ hết KDC quy hoạch đi đến hết đất nhà văn hóa xóm Bá Vân 5	900
2.5	- Từ nhà văn hóa Bá Vân 5 đi tiếp đến giáp đất xã Phúc Thuận - Phổ Yên	600
2.6	Đường đi Kim Long- đoạn ngã 3 rẽ Linh Sơn 1 đến hết Linh Sơn 1	450
2.7	- Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Ghềnh Chè 200m	1.350
2.8	- Từ sau 200m tiếp theo đến đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1	800
2.9	- Từ đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1 đến cách ngã ba Bá Vân 2 (100m)	600
2.10	- Từ ngã ba Bá Vân 2 đi về các phía 100m	800
2.11	- Từ cách ngã ba Bá Vân 2 - 100m đi đến Ghềnh Chè	600
3	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Trung tâm Nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền núi	
3.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến cổng chợ cũ	1.700
3.2	- Từ cổng chợ cũ đến ngã 3 Cầu treo Bá Vân	1.350
3.3	- Từ ngã ba cầu treo Bá Vân đi hướng ngàm đến giáp đất Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi	800

II. Trường hợp đất ở nông thôn ngoài các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, chưa được quy định giá chi tiết trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ	
	Vùng Trung du	Vùng miền núi khu vực II
Loại 1	350	290
Loại 2	320	260
Loại 3	290	230
Loại 4	260	200

Ghi chú:

Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.